

Kinh A Di Đà

Chú thích

LỜI TỰA

Kinh A Di Đà nói về pháp môn Niệm Phật. Đây là một pháp môn rất mau nhiệm, dễ dụng công, rất an ổn, mau thành tựu⁴⁴. Nhưng kinh A Di Đà rất khó tin, khó hiểu⁸. Vì vậy tôi soạn một số câu kinh, mượn một số lời giảng của các Tổ Tịnh Độ v.v... để giải thích phần nào những chữ, những câu khó hiểu trong quyển kinh này.

Bốn mươi sáu câu chú thích, không thể nói hết được những điểm quan trọng của pháp môn Niệm Phật, nên tôi soạn thêm một số lời giảng của các đại sư của tông Tịnh Độ, viết thành bài “Vài lời nói pháp”, để tăng thêm lòng tin ở pháp môn mau nhiệm này và biết cách niệm Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc.

Mặc dù tôi đã kiểm soát lại từng phần của quyển sách, nhưng khó tránh khỏi sơ xuất, thiếu sót. Ngưỡng mong độc giả thông cảm, góp ý.

Montréal ngày 8 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Đại - Đỗ hữu Cự

Email: huucudo888@gmail.com

MỤC LỤC

1. **Kinh A Di Đà** : *Từ trang 3 tới trang 12.*
 - a. **Phần 1.** *Trang 3:* Xác định nơi Phật thuyết pháp và những chúng sanh tham dự pháp hội.
 - b. **Phần 2.** *Từ trang 3 tới trang 7:* Phong cảnh và sinh hoạt của chúng sanh ở thế giới Cực Lạc.
 - c. **Phần 3.** *Từ trang 7 tới trang 11:* Điều kiện để được sanh về thế giới Cực Lạc.
 - d. **Phần 4.** *Trang 12:* Ở Sa Bà rất khó đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Phật thuyết kinh A Di Đà cũng rất khó vì đây là pháp mà chúng sanh cho là khó tin.
2. **Chú thích:** *Từ trang 13 tới trang 79.*
3. **Tóm tắt:** *Từ trang 80 tới trang 82.*
4. **Vài lời nói pháp:** *Từ trang 83 tới trang 95.*
5. **Tài liệu tham khảo:** *Trang 96.*

KINH¹ A DI ĐÀ

Tôi nghe như vậy²: Một thời đức Phật³ ở nước Xá Vệ, trong vườn của ông Cấp Cô Độc và thái tử Kỳ Đà⁴ cùng với một nghìn hai trăm năm mươi đại tỳ khưu⁵ tăng⁶. Các vị đều là đại A La Hán⁷, được nhiều người biết như là các ngài trưởng lão Xá Lợi Phất⁸, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Chu Lợi Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lư Phả La Đa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nậu Lâu Đà.....Đây là các vị hàng đại đệ tử. Lại có các vị đại Bồ Tát⁹ là: Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương tử¹⁰, A Dật Đa Bồ Tát⁹, Càn Đa Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, cùng với các vị đại Bồ Tát khác. Cũng có Thích Đề Hoàn Nhân¹¹, vô lượng chư thiên, đại chúng tham dự pháp hội.

*

Bấy giờ đức Phật bảo ngài trưởng lão Xá Lợi Phất rằng: Từ nơi này đây hướng về phương Tây quá mười vạn ức¹² cõi nước chư Phật¹³, có một thế giới tên là Cực Lạc. Ở thế

giới ấy có đức Phật, hiệu là A Di Đà, hiện đang thuyết pháp.

Này Xá Lợi Phất, tại sao cõi kia gọi là Cực Lạc?

Chúng sanh cõi đó không có đau khổ¹⁴, chỉ thuần hưởng thụ những sự vui sướng, vì vậy cho nên gọi là Cực Lạc. Lại còn đây nữa, ông Xá Lợi Phất, nước Cực Lạc có bảy tầng lan can¹⁵, bảy tầng lưới giăng, bảy tầng hàng cây, toàn bằng bốn báu, vây bọc xung quanh; thế nên nước kia gọi là Cực Lạc.

Lại còn đây nữa, ông Xá Lợi Phất, cõi nước Cực Lạc có hồ Thất Bảo¹⁵, nước tám công đức¹⁶ tràn đầy trong ấy. Toàn thể đáy hồ đều là cát vàng. Đường đi bốn bên làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Bên trên có những lầu các làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não. Hoa sen trong hồ to như bánh xe¹⁷. Hoa sen màu xanh tỏa ánh sáng xanh. Hoa sen màu vàng tỏa ánh sáng vàng. Hoa sen màu đỏ tỏa ánh sáng đỏ. Hoa sen màu trắng tỏa ánh sáng trắng. Các hoa sen ấy màu nhiệm, thơm, sạch¹⁸. Này Xá Lợi Phất, cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế¹⁹!

Lại còn đây nữa, ông Xá Lợi Phất, nước đức Phật kia thường trỗi âm nhạc của các cõi trời; đất bằng vàng ròng, ngày đêm sáu thời, thường thường rải xuống hoa mạn đà la²⁰. Chúng sanh cõi ấy vào lúc sáng sớm đều dùng lẵng hoa²⁰, đựng những hoa quý, đem đi cúng dường mười vạn ức Phật ở những phương khác²¹. Khi đến giờ ăn, trở về Cực Lạc; ăn²² xong, kinh hành²³. Nay Xá Lợi Phất, cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế!

Lại còn đây nữa, ông Xá Lợi Phất, nước kia thường có rất nhiều loại chim, màu sắc lạ đẹp, như chim Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vũ, cùng chim Xá Lợi, Ca Lăng Tần Già, và chim Cộng Mạng....Những giống chim ấy, ngày đêm sáu thời, hót tiếng hòa nhã, diễn nói các pháp: Năm căn, Năm lực, Bảy phần Bồ Đề, Tám phần Chánh Đạo²⁴ và nhiều pháp khác. Chúng sanh cõi kia nghe tiếng chim hót, thì đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng²⁵. Nay Xá Lợi Phất, ông chớ cho rằng những giống chim ấy đúng thật do tội báo mà sanh ra²⁶. Tại sao như vậy? Vì trong nước của đức Phật kia không có ba đường ác²⁶. Nay Xá Lợi

Phật, trong cõi nước kia, ngay tên đường ác cũng còn chẳng có, nữa là thật sự lại có đường ác. Những chim ấy do Phật A Di Đà muốn cho tiếng pháp lan rộng khắp nơi, mà biến hoá ra.

Này Xá Lợi Phật, nước đức Phật kia gió hiu hiu thổi những hàng cây báu cùng những lưới báu, rung động, phát ra những tiếng màu nhiệm, như trăm ngàn thứ nhạc cùng trỗi lên. Ai nghe tiếng ấy, tự nhiên sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Này Xá Lợi Phật, nước đức Phật kia thành tựu công đức trang nghiêm như thế!

Này Xá Lợi Phật, ông nghĩ thế nào? Vì sao đức Phật kia có danh hiệu là A Di Đà?

Này Xá Lợi Phật, vô lượng quang minh của đức Phật ấy soi các thế giới ở khắp mười phương, không gì chướng ngại, vì vậy danh hiệu của đức Phật ấy là A Di Đà. Lại còn đây nữa, ông Xá Lợi Phật, đức Phật ấy và nhân dân của ngài thọ mạng lâu đến vô lượng vô biên a tăng kỳ²⁷ kiếp, vì vậy danh hiệu của đức Phật ấy là A Di Đà²⁸.

Này Xá Lợi Phật, Phật A Di Đà thành Phật đến nay đã là mười kiếp²⁹.

Lại còn đây nữa, ông Xá Lợi Phất, đức Phật kia có vô lượng vô biên đệ tử Thanh Văn³⁰, là A La Hán, số lượng rất nhiều, không thể tính, đếm để biết rõ được. Các bậc Bồ Tát cũng lại như vậy. Nay Xá Lợi Phất, nước đức Phật kia thành tựu công đức trang nghiêm như thế!

Lại còn đây nữa, ông Xá Lợi Phất, chúng sanh các nơi sanh về Cực Lạc, đều là những vị chứng ngôi Bất Thoái³¹, và trong số đó có rất nhiều vị Nhất Sanh Bồ Xứ³². Số này rất đông, không thể tính toán để biết hết được, mà chỉ có thể nói lên bằng số vô lượng vô biên a tăng kỳ thôi.

*

Này Xá Lợi Phất, chúng sanh nào nghe được những lời này, thì nên phát nguyện⁴², nguyện sanh Cực Lạc. Tại vì sao vậy? Vì được cùng với các thượng thiện nhân sum họp một chỗ³³.

Này Xá Lợi Phất, không thể chỉ dùng một chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về nước đức Phật ấy³⁴!

Này Xá Lợi Phất, nếu có người thiện nam hay người thiện nữ nào nghe nói *Phật A Di*

Đà, chấp trì danh hiệu của đức Phật ấy³⁵ hoặc trong một ngày, hoặc trong hai ngày, hoặc trong ba ngày, hoặc trong bốn ngày, hoặc trong năm ngày, hoặc trong sáu ngày, hoặc trong bảy ngày, một lòng không loạn thì: Lúc lâm chung, Phật A Di Đà cùng các Thánh chúng hiện trước người ấy; khi thọ mạng hết, tâm không điên đảo, người ấy liền được sanh về thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà³⁶.

Này Xá Lợi Phất, ta thấy lợi ấy³⁷, nói ra lời này. Nếu chúng sanh nào nghe lời nói ấy, thì nên phát nguyện sanh về nước kia.

Này Xá Lợi Phất, như ta hôm nay khen lợi ích của công đức không thể nghĩ bàn của đức Phật A Di Đà, thì nơi phương Đông có các đức Phật: A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, và Diệu Âm Phật.....Hằng hà sa số³⁸ chư Phật như thế, ở tại nước mình; các ngài xuất ra tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới³⁹, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người phải nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn, Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm⁴⁰ này”.

Này Xá Lợi Phất, thế giới phương Nam có các đức Phật: Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật.....Hằng hà sa số chư Phật như thế, ở tại nước mình; các ngài xuất ra tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người phải nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn, Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm này.”

Này Xá Lợi Phất, thế giới phương Tây có các đức Phật: Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Trang Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật.....Hằng hà sa số chư Phật như thế, ở tại nước mình; các ngài xuất ra tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người phải nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn, Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm này.”

Này Xá Lợi Phất, thế giới phương Bắc có các đức Phật: Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trử Phật, Nhật Sinh Phật, Vãng Minh Phật.....Hằng hà sa số chư Phật như

thế, ở tại nước mình; các ngài xuất ra tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người phải nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn, Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm này.”

Này Xá Lợi Phất, thế giới phương dưới có các đức Phật: Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật.....Hằng hà sa số chư Phật như thế, ở tại nước mình; các ngài xuất ra tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người phải nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn, Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm này.”

Này Xá Lợi Phất, thế giới phương trên có các đức Phật: Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thọ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật..... Hằng hà sa số chư Phật như thế, ở tại nước mình; các ngài xuất ra tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp tam

thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người phải nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn, Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm này.”

Này Xá Lợi Phất, ông nghĩ thế nào? Tại sao gọi là kinh Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm? Này Xá Lợi Phất, nếu có thiện nam hay thiện nữ nào nghe rồi thọ trì⁴¹ kinh giáo này đây và nghe danh hiệu của các đức Phật, thì thiện nam này hay thiện nữ ấy đều được tất cả chư Phật hộ niệm không bị thoái chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác⁴¹. Vì thế cho nên, ông Xá Lợi Phất, các ông đều nên tin nhận lời ta và lời chư Phật.

Này Xá Lợi Phất, nếu những người nào đã phát nguyện rồi, hiện đang phát nguyện, hay sẽ phát nguyện, mong muốn được sanh về nước của đức Phật A Di Đà, thì những người ấy đều không thoái chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hoặc họ đã sanh, hoặc hiện đang sanh, hoặc là sẽ sanh về cõi nước kia⁴². Vì thế cho nên, ông Xá Lợi Phất, các thiện nam tử và thiện nữ nhân, nếu có lòng tin thì nên phát nguyện sanh về nước ấy.

Này Xá Lợi Phất, như ta hôm nay khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của các đức Phật; các đức Phật ấy cũng lại khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của ta, mà nói lời này: “Đức Phật Thích Ca hay làm những việc rất khó, hiếm có⁴³, thường hay ở trong cõi nước Sa Bà¹³, đời năm ác trước (*Kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước*)⁴³, được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và vì chúng sanh, nói ra pháp mà tất cả thế gian cho là khó tin⁴⁴.”

Này Xá Lợi Phất, ông nên biết ta ở trong đời năm ác trước, làm việc khó làm: Được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác; vì cả thế gian, đã nói ra pháp rất khó tin này, là việc rất khó.⁴⁵

Khi đức Phật nói kinh này xong rồi, ông Xá Lợi Phất và các tỳ khưu, hết thấy thế gian, các chúng trời, người và a tu la..... nghe Phật nói pháp, vui mừng, tin, nhận, làm lễ rồi đi⁴⁶.

CHÚ THÍCH

1. **Kinh.** Những bài thuyết pháp của Phật gọi là kinh (*sutra*). Kinh do Phật thuyết có 2 đặc điểm là khế lý và khế cơ.

a. **Khế lý** (*hợp chân lý*). Kinh Phật nói luôn luôn đúng trong mọi thời đại.

b. **Khế cơ** (*hợp căn cơ*). Tùy theo sự hiểu biết của chúng sanh mà Phật nói pháp, hoặc nói thấp, hoặc nói cao, sao cho ai cũng tin, nhận được sự giáo hóa của Phật, cũng được lợi ích. (*Giáo là giảng dạy. Hóa là chuyển hóa. Giáo hóa chúng sanh là giảng dạy để chuyển chúng sanh từ mê thành giác, giúp chúng sanh hiểu biết thật rõ ràng, chính xác mọi sự việc*).

Kinh A Di Đà. Theo đại sư Ngẫu Ích, hiệu là Trí Húc, Tổ thứ 9 của Tịnh Độ tông Trung Hoa: “Muốn mau thoát khỏi sanh tử luân hồi thì phải cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Có nhiều pháp tu để cầu được vãng sanh, nhưng chỉ có Trì Danh Niệm Phật (*gọi tắt là pháp môn Niệm Phật*) là pháp tu mau thành tựu, rất an ổn, dễ dụng công nhất. Thế nên, có ba bộ kinh nói về Tịnh Độ

(Tịnh: Viết tắt của thanh tịnh. Độ: Viết tắt của quốc độ. Tịnh Độ là Cõi Nước Thanh Tịnh, ám chỉ thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà. Tịnh Độ tam kinh là ba kinh nói về thế giới Cực Lạc và những cách tu để sanh về thế giới ấy, gồm có: Kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ), nhưng cổ nhân chỉ chọn kinh A Di Đà làm khóa tụng hàng ngày. (Kinh A Di Đà chỉ nói về pháp môn Niệm Phật. Hai kinh kia nói về nhiều cách tu hành để cầu vãng sanh))”

Theo sách *Phật Thuyết Kinh A Di Đà, Lược Giải của Hoà Thượng Tuyên Hóa* thì: “Các kinh khác phải có người thưa hỏi, đức Phật Thích Ca mới nói ra. Chỉ riêng kinh A Di Đà này là không có ai thưa hỏi, Phật tự nói ra. Tại sao thế?

- a. Vì nghĩa lý kinh này rất huyền diệu, trí huệ của hàng Thanh Văn³⁰ không thể đạt đến được, hàng Bồ Tát⁹ cũng không thể hiểu rõ; cho nên không có nhân, duyên người thưa hỏi.
- b. Vì kinh A Di Đà rất quan trọng, pháp môn Niệm Phật cần được nói ra và đức

Phật Thích Ca thấy căn cơ của chúng sanh đã thành thục nên tự nói ra kinh này.”

2. **Tôi nghe như vậy.** Chữ tôi chỉ ngài A Nan, thị giả của đức Phật Thích Ca, luôn ở bên cạnh Phật, được nghe Phật nói pháp nhiều nhất, có trí nhớ rất tốt, nhớ được từng lời dạy của Phật.

Tôn giả Ma Ha Ca Diếp, người được đức Phật Thích Ca truyền Tâm ấn cho, là Tổ chánh truyền thứ nhất, lãnh đạo Tăng đoàn sau khi Phật nhập Niết Bàn, đã nói: “Pháp của Phật như nước trong biển cả, đều chảy vào tâm của ông A Nan.”

(Tôn là kính trọng. Giả là người. Tôn giả là bậc tu hành có đức hạnh cao quý, đáng được tôn trọng.)

Sau khi đức Phật Thích Ca nhập diệt, Tôn giả Ma Ha Ca Diếp tập hợp những đệ tử của Phật đã chứng A La Hán⁷ để ôn lại tất cả những kinh và luật mà Phật đã dạy (*Phật nhập diệt năm 544 trước Tây lịch*). Đây là lần kiết tập kinh điển thứ nhất. Trong lần kiết tập kinh điển này:

- a. Đại chúng thỉnh Tôn giả A Nan lên tuyên đọc lại từng bài thuyết pháp của Phật. Y theo lời Phật dặn trước khi nhập Niết Bàn, mỗi kinh đều bắt đầu bằng câu *“Tôi nghe như vậy.”*
- b. Sau khi Tôn giả A Nan tụng tạng Kinh rồi, Tôn giả Ưu Bà Ly lên pháp tòa tuyên đọc lại tất cả những luật mà Phật đã đặt ra. (*Pháp tòa là chỗ để Pháp sư ngồi nói pháp.*)

Theo sách Phật Học Tinh Yếu của Hòa Thượng Thích Thiện Tâm thì: “Trong lần kiết tập kinh điển này, chư tăng chỉ hội tụng, chứ không ghi chép.

Có 4 lần kiết tập kinh điển. Mãi tới lần kiết tập thứ tư, do vua Ca Ni Sắc Ca (vua Canishka tại vị khoảng từ năm 124 tới năm 150 Tây lịch) tổ chức để đúc kết lại tất cả những Kinh, Luật và Luận trong Chánh pháp, kinh mới được ghi chép lại.”

3. **Phật:** Tiếng Phạn là *“Bouddha”*, Trung Hoa dịch là *Phật Đà*. Phật là đấng giác ngộ hoàn toàn, dùng sự giác ngộ của mình để giáo hóa chúng sanh, giúp chúng sanh

cũng được giác ngộ như mình, là thầy của các cõi Trời, cõi Ngươi. (*Giác là biết, ngộ là hiểu rõ. Giác ngộ hoàn toàn là hoàn toàn hiểu biết thật rõ ràng chính xác, hợp với chân lý về tất cả mọi sự việc, đời sống, vạn vật, vũ trụ....*)

Phật có 3 thân là Pháp thân, báo thân và ứng-hóa thân:

- a. **Pháp thân Phật** vô hình, có mặt ở khắp mọi nơi, mọi lúc.
- b. **Báo thân Phật** là thân quả báo tốt lành, do công đức tu hành của Phật kết lại mà hiện ra.
- c. **Ứng-hóa thân Phật** là thân do Phật ứng, hóa hiện ra để cứu các loài chúng sanh.

Chữ Phật ở đây chỉ đức Phật *Thích Ca Mâu Ni* (*Sakyamouni*), hạ sanh năm 623 trước Tây lịch, tại vườn Lâm Tỳ Ni (*Lumbini*), con của Vua Tịnh Phạn và Hoàng hậu Ma Gia. Thái tử có họ là Cù Đàm (*Gautama*), tên là Tất Đạt Đa (*Siddharta*). Thủ đô của vương quốc của Vua Tịnh Phạn là thành Ca Tỳ La Vệ (*Kapilavastu*). Nơi này hiện nay thuộc

nước Népal.

Theo sách Pháp Ngữ của Hòa Thượng Tịnh Không, chương 3, Biểu tượng học và mỹ học thì: “Thích Ca Mâu Ni là phiên âm từ tiếng Phạn: Sakyamouni. Thích Ca (Sakya) dịch ra tiếng Hán là Năng Nhân, nghĩa là có lòng nhân từ, thương người, từ bi. Mâu Ni (Mouni) dịch ra tiếng Hán là Tịch mặc, có nghĩa là vắng lặng, thanh tịnh, tâm không xao động.

Phật đến thế gian này là để dạy chúng sanh giải quyết những vấn đề của chúng sanh:

- a. Ích kỷ, không năng nhân.
- b. Vọng tưởng, chấp trước, không tịch mặc.”

Theo sách Phật Học Tinh Yếu của Hòa Thượng Thích Thiện Tâm thì: “Thái tử xuất gia năm 29 tuổi, thành đạo năm 35 tuổi. Phật truyền bá chánh pháp hơn 40 năm, dọc theo châu thổ sông Hằng (Gange), miền Đông Bắc Ấn Độ và nhập Niết Bàn năm 80 tuổi (Hòa Thượng nói tuổi ta. Tuổi thật bằng tuổi ta trừ đi một tuổi) ở ngoài thành Câu Thi Na (Kusinagar), giữa hai

cây Sa la.”

Trong kinh Pháp Hoa, phẩm Như Lai Thọ Lượng, đức Phật Thích Ca nói: “...Từ khi ta thành Phật tới nay, đã vô lượng vô biên ức¹² na do tha (1 na do tha = 10 triệu) a tăng kỳ²⁷ kiếp...”

Cũng trong kinh Pháp Hoa, nhưng ở phẩm Hóa Thành Dụ, đức Thế Tôn nói: “...Ta thị hiện ở cõi này, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác⁴¹, có tên là Thích Ca Mâu Ni, thị hiện ở nơi khác thành Phật, lại có tên khác...”

4. Vườn của ông Cấp Cô Độc và thái tử Kỳ Đà.

Ấn Độ ngày nay là một nước rộng lớn. Nhưng khi đức Phật Thích Ca còn tại thế, lãnh thổ này gồm nhiều nước nhỏ, trong đó có nước Xá Vệ.

Thái tử Kỳ Đà là con của vua Ba Tư Nặc, người trị vì nước Xá Vệ.

Ông Tu Đạt Đa, giàu nhất vùng, hay giúp đỡ những kẻ cô đơn nghèo, khổ, nên dân chúng trong nước gọi ông là ông Cấp Cô Độc.

Ông Cấp Cô Độc muốn mua vườn của Thái tử Kỳ Đà để cúng dường đức Phật Thích Ca và chúng Tăng. Thái tử nói nếu ông lát vàng đầy vườn thì sẽ bán vườn ấy cho. Ông dùng vàng, dát mỏng, lát vườn của Thái tử. Vườn được bán cho ông Cấp Cô Độc để cúng dường Phật và Tăng. Thái tử cũng đem tất cả cây trong vườn cúng dường Phật và Tăng. Vì thế chỗ Phật nói pháp đây được gọi bằng tên của cả hai thí chủ.

5. **Tỳ khưu:** *Tổ Trí Húc giảng:* “Tỳ khưu, phiên âm từ tiếng Phạn “*Bhikhsu*”, là người xuất gia, hàm chứa 3 nghĩa:
 - a. **Khất sĩ:** Chỉ giữ một chiếc bát để xin thức ăn, không cất giữ tiền của, chuyên cầu đạo xuất thế gian. (*Muốn biết rõ: Tại sao tỳ khưu lại đi xin thức ăn và hiện nay, tỳ khưu ở những nơi nào còn giữ truyền thống này; Xin vào Google, tìm mục “Vấn đề khất thực trong đạo Phật”.*)
 - b. **Phá ác:** Dùng trí tuệ chân chánh để quan sát, phá trừ mọi tật ác, phiền não.
 - c. **Bố ma:** Đã phát tâm thọ giới, phép yết

ma đã thành tựu, nên ma trông thấy phải sợ hãi.”

6. **Tăng:** Viết tắt của Tăng già, phiên âm từ tiếng Phạn “*samgha*”, chỉ một nhóm tu sĩ, học theo Phật, cùng sống với nhau theo tinh thần lục hòa:
 - a. Thân hòa chung ở.
 - b. Miệng hòa không tranh cãi.
 - c. Ý hòa cùng vui.
 - d. Giới luật hòa cùng giữ.
 - e. Hiểu biết hòa cùng giải.
 - f. Lợi hòa cùng chia.
7. **A La Hán:** A La Hán, phiên âm từ tiếng Phạn “*Arahant*”, là quả vị cao nhất của hàng Thanh Văn³⁰, có 3 nghĩa:
 - a. **Ứng cúng:** Xứng đáng nhận sự cúng dường.
 - b. **Sát tặc:** Đã giết hết phiền não (*Hết tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến*).
 - c. **Vô sanh:** Không tái sanh trong vòng luân hồi nữa.

Sách Phật Thuyết A Di Đà Kinh, Yếu Giải của Tổ Trí Húc chép: “Có 3 bậc A La

Hán là: Tuệ giải thoát, Câu giải thoát và Vô Nghi giải thoát. Các vị A La Hán này đều là Vô Nghi giải thoát nên gọi là đại A La Hán.

Các vị theo Phật đi thuyết pháp, làm lợi ích các cõi Trời, cõi Người nên mọi người quen biết.”

8. **Trưởng lão:** Trưởng là lớn. Lão là già. Trưởng lão là bậc cao Tăng, đã tu hành lâu năm.

Tổ Trí Húc giảng: “Trưởng lão Xá Lợi Phất là bậc có trí huệ (*trí tuệ*) nhất trong hàng đại A La Hán nên được xếp đứng trước. Vì trưởng lão là bậc có trí huệ chân thực, dũng mãnh mới có thể hiểu được pháp môn Niệm Phật nên được Phật gọi ra để giảng về pháp môn này. Pháp môn Niệm Phật rất sâu, vượt hơn tất cả những pháp môn khác, rất khó tin, nếu không phải là người có trí huệ bậc nhất thì chẳng thể hiểu ngay được mà không nghi ngờ.”

9. **Bồ Tát:** hay *Bồ Đề Tát Đỏa*, phiên âm từ tiếng Phạn “*Bodhisattva*”, là danh hiệu của

người tu pháp Lục độ để tự giác ngộ³ và giúp người khác giác ngộ. (*Độ: Nghĩa đen là đưa qua sông, nghĩa bóng là đưa qua sông mê tới bờ giác ngộ, tức là giúp thoát khỏi mê lầm*). Lục độ gồm có:

- a. Bồ thí độ (*giúp khỏi*) tham lam.
- b. Trì giới độ hủy giới, phạm giới.
- c. Nhẫn nhục độ sân hận.
- d. Tinh tấn độ giải đãi.
- e. Thiền định độ tán loạn.
- f. Trí tuệ độ ngu si.

Tổ Ngẫu Ích nói: “Người niệm Phật buông cả thân, tâm, thế giới là đại bồ thí; không khỏi tham, sân, si là đại trì giới; không so đo hơn thua, phải quấy là đại nhẫn nhục; không gián đoạn, xen tạp là đại tinh tấn; không rong ruổi theo vọng tưởng là đại thiền định; không bị sáu trần (*sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*) mê hoặc là đại trí tuệ.”

Theo sách Tịnh Nghiệp Tam Phước, mục Niệm Phật Thành Phật, của Hòa Thượng Tịnh Không thì: “Có 51 ngôi Bồ Tát: 10 ngôi Tín, 10 ngôi Trụ, 10 ngôi Hạnh, 10 ngôi Hồi Hướng, 10 ngôi Địa, và ngôi thứ 51 là Đẳng

Giác.

Đại Bồ Tát hay Bồ Tát Ma Ha Tát (Bodhisattva Mahasattva) là những Bồ Tát ở 11 ngôi cao, từ ngôi Sơ Địa tới ngôi Đẳng Giác.”

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng: “Bồ Tát tự giác (tự giác ngộ), giác tha (giúp người khác giác ngộ); khác với hàng Nhị thừa (Thanh Văn, Duyên giác) tu chỉ để tự giác mà thôi.

Khi Bồ Tát đạt được Giác mãn (hoàn toàn giác ngộ: Tự giác viên mãn và giác tha viên mãn, tức là giác, hạnh viên mãn) thì gọi là Diệu giác, là Phật.”

A Dật Đa là tên riêng của Bồ Tát Di Lặc.

10. **Pháp vương tử:** Phật là Pháp vương, biết rõ các pháp và tâm chúng sanh, tùy theo căn cơ của chúng sanh mà giáo hóa¹, khiến ai cũng tin, nhận được sự giáo hóa của Phật, cũng được lợi ích.

Ngài Văn Thù Sư Lợi nổi nghiệp nhà Phật, giáo hóa chúng sanh, nên gọi là Pháp vương tử (con của đấng Pháp vương). Ngài là bậc có trí huệ đệ nhất trong hàng

Bồ Tát nên được xếp đứng đầu.

11. **Thích Đề Hoàn Nhân.** *Sách Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải của sa môn Trí Húc chép:* “Thích Đề Hoàn Nhân là Vua ở cõi Trời Đao Lợi.”

Trong sách Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Phổ Môn Phẩm, Hoà Thượng Tuyên Hóa giảng: “Để Thích, kinh A Di Đà gọi là Thích Đề Hoàn Nhân, Đạo giáo gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế.”

12. **Ức:** *Tự điển Việt Pháp của Đào Đăng Vỹ chép:* “1 ức = 100 ngàn (100 nghìn)”.

Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải của sa môn Trí Húc chép: “1 ức = 10 triệu.”

Sách Niệm Phật Thập Yếu của Hoà Thượng Thích Thiên Tâm chép: “Số ức của Ấn Độ thời xưa có 3 bậc, mà mức trung bình là 1 triệu.”

13. **Cõi nước của một vị Phật:** Cõi nước của một vị Phật hay *Phật độ* là khu vực hóa độ của một vị Phật. (*Hoá là viết tắt của giáo hóa. Độ là viết tắt của cứu độ. Độ nghĩa đen*

là đưa qua sông, nghĩa bóng là đưa qua sông mê đến bờ giác ngộ. Hóa độ chúng sanh nghĩa là: Giảng dạy để chuyển chúng sanh từ mê thành giác, cứu chúng sanh, đưa qua sông mê tới bờ giác ngộ.)

Một Phật độ gồm có rất nhiều thế giới. Ví dụ: *Sách Niệm Phật Thập Yếu của Hòa Thượng Thích Thiên Tâm, chương 4, tiết 23 chép: “Đức Phật Thích Ca làm giáo chủ một cõi Đại Thiên³⁹ gọi là Sa Bà (tiếng Phạn là Saha) gồm 1000 triệu thế giới. Ngài hóa thân thành 1000 triệu đức Phật ở những thế giới ấy, thị hiện từ lúc giảng sanh tới khi nhập Niết Bàn để thuyết pháp.”*

14. **Khổ.**

a. **Ba nỗi khổ.** *Tổ Trí Húc nói: “Chúng ta sống trên trái đất này có khổ mà cũng có vui. Nhưng thật ra những cái vui ấy cũng lại là khổ. Có 3 nỗi khổ là: Hoại khổ, khổ khổ và hành khổ.*

- Hoại khổ. Phật gọi là hoại khổ, vì nó chẳng ở lâu với mình, khi nó bị hoại là mình khổ.
- Khổ khổ. Còn cái khổ thật thì Phật gọi

là khổ khổ, vì nó là cái khổ làm thân mình bị bức bách khổ thật.

- Hành khổ. Lại còn một cái chẳng vui, chẳng khổ, Phật gọi là hành khổ vì nó làm cho mình bị trôi đến chỗ khổ.”

b. Tám nỗi khổ. Trong kinh Chuyển Pháp Luân, khi nói về Khổ đế³⁰, đức Phật Thích Ca kể bảy thứ khổ ở cõi Người là: Sanh, già, bệnh, chết, thương phải xa lìa, oán thù gặp gỡ và mong cầu không được.

Giáo lý Đại thừa kể thêm nỗi khổ thứ tám ở cõi Người là: Năm ấm lấy lừng.

(Ấm là ngăn che. Năm ấm là 5 thứ ngăn che chân tánh, gồm có:

- Sắc ấm: Thân thể của chúng ta.
- Thọ ấm là những cảm giác hoặc khổ, hoặc sướng, hoặc vui, hoặc buồn....
- Tưởng ấm: Khi chúng ta ngồi lại, nhất là ở những nơi vắng vẻ, liền nhớ lại hoặc nghĩ đến một danh từ, một sự việc hay một hình ảnh, liền khởi tưởng.
- Hành ấm gồm có thân hành, ngữ hành và ý hành, là những tạo tác của

thân, miệng và ý.

- Thức ấm là cái biết phân biệt nơi 6 giác quan: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

Ví dụ: Khi mắt thấy cảnh, người, vật ... liền phân biệt đẹp hay xấu; Khi tai nghe tiếng, liền phân biệt trong hay đục; khi lưỡi nếm vị, liền phân biệt ngon hay dở v.v...)

Sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm và thức ấm che lấp chân tánh, như mây đen che mặt trời, khiến chân tánh không lộ ra được, khởi hoặc (*khởi mê lầm*) gây nghiệp mạnh như ngọn lửa bốc cháy nên gọi là năm ấm lấy lòng. (*Chân tánh của chúng ta là bản tánh thật của chúng ta, chẳng biến đổi, còn gọi là Phật tánh có sẵn nơi mỗi người chúng ta.*)

Đại sư Ấn Quang, Tổ thứ 13 của Tịnh Độ tông Trung Hoa nói: “Bảy thứ khổ đầu tiên là quả báo của đời quá khứ. Nổi khổ thứ tám là nhân gây ra quả khổ về sau. Nhân, quả dây dưa nối nhau không dứt, hết kiếp này sang kiếp khác, chẳng thể thoát ly.”

15. **Lan can.** Tiếng Hán là “*Lan thuần*”.

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng: “Lan là thanh ngang. Thuần là rào dọc”.

Hoà Thượng Thích Tâm Châu dịch là: Lan can.

Hoà Thượng Thích Trí Tịnh dịch là: Bao lớn.

Dịch giả Tuệ Nhuận dịch là: Rào giậu.

Hồ Thất Bảo: Thất bảo là 7 thứ báu vật: Vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não.

16. **Nước 8 công đức:**

a. *Trùng thanh:* Lặng trong.

b. *Thanh lãnh:* Mát dịu.

c. *Cam mỹ:* Ngon ngọt.

d. *Khinh nhuyển:* Mềm nhẹ.

e. *Nhuận trạch:* Đượm nhuận, bóng nhoáng.

f. *An hòa:* Yên ổn, hòa nhã..

g. *Trừ cơ khát:* Làm hết đói, khát.

h. *Trưởng dưỡng chư căn:* Nuôi lớn mọi căn.

(Sáu căn là: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý)

17. **Hoa sen to như bánh xe.** *Tổ Trí Húc giảng:* “Bánh xe ở đây là bánh xe của vua Chuyển Luân, to đến 40 dặm.”

18. **Màu nhiệm, thơm, sạch.**

a. **Màu nhiệm:** Nếu có một chúng sanh phát tâm niệm Phật (*niệm Phật: Tâm nhớ đức Phật A Di Đà, muốn sanh về thế giới Cực Lạc nên miệng xưng danh hiệu của Phật để cầu Phật tiếp dẫn vãng sanh*) thì trong hồ bầy báu liền có một hoa sen mọc ra. Nếu chúng sanh tinh tấn niệm Phật thì hoa sen tăng trưởng đều đều. Hoa sen này là nơi nhập thai của chúng sanh ấy, nếu được đức Phật A Di Đà tiếp dẫn. Nếu chúng sanh bỏ không niệm Phật nữa thì hoa sen héo tàn dần.

Thời gian ở trong hoa sen của các chúng sanh sanh về thế giới Cực Lạc tùy thuộc vào công phu tu hành của các chúng sanh đó trước khi vãng sanh. (*Muốn biết rõ hơn, xin xem kinh Quán Vô Lượng Thọ*)

Chúng sanh ở trong hoa sen, chuyển từ nhiễm sang tịnh, từ phàm sang thánh.

Thân chúng sanh từ hoa sen sanh ra, đã có hào quang.

b. **Thơm**: Hoa có hương thơm đặc biệt.

c. **Sạch**: Hoa không có bụi bám vào.

19. **Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế**: Cõi nước Cực Lạc thành tựu trang nghiêm như thế, là do công đức tu hành và nguyện lực của tỳ kheo Pháp Tạng (*tiền thân của đức Phật A Di Đà*).

Muốn biết rõ về nguyên nhân tạo ra thế giới Cực Lạc, công đức tu hành và 48 đại nguyện của tỳ kheo Pháp Tạng, xin xem kinh Vô Lượng Thọ, quyển Thượng.

20. **Sáu thời**: Xưa kia, ở Ấn Độ, một ngày chia làm 6 thời. Ban ngày có 3 thời, ban đêm có 3 thời.

Hoa mạn đà la, phiên âm từ tiếng Phạn “*Mandala*”. Kinh Vô Lượng Thọ chép: “Hoa mềm mại, sáng rực rỡ, hương thơm ngào ngạt, rơi có thứ lớp tùy theo màu sắc. Bước

đi trên hoa, hoa lún xuống 4 tấc. Đi qua rồi, hoa nổi lên như cũ. Khi hoa ngừng rơi, đất nứt ra, hoa mất. Mặt đất trở lại bình thường.”

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng: “Hoa mạn đà la dịch sang tiếng Hán là: Tự ý hoa. Mình muốn thế nào, nó ra thế ấy.”

Lãng Hoa. Tiếng Hán là “Y kích”.

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng là: Túi vải.

Hòa Thượng Thích Tâm Châu dịch là: Lãng hoa.

Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch là: Đầy hoa.

Dịch giả Tuệ Nhuận dịch là: Vạt áo.

21. Cúng dường mười vạn ức Phật ở những phương khác.

Chỉ trong một niệm, Bồ Tát có thể đến bất cứ nơi nào mà không cần động thân.

Theo kinh Pháp Hoa, phẩm 24, Diệu Âm Bồ Tát: “Bồ Tát Diệu Âm ở thế giới Nhất Thiết Tịnh Quang Trang Nghiêm của đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai, không rời chỗ ngồi, thân chẳng lay động mà vào chánh định, đến thế giới Sa Bà nơi hội Linh

Sợn để nghe kinh Pháp Hoa và cúng dường đức Phật Thích Ca...”

Bồ Tát có thể có mặt ở rất nhiều nơi, làm rất nhiều việc cùng một lúc. Kinh Địa Tạng, quyển Thượng, phẩm 2, Phân Thân Tập Hội chép: “Đức Địa Tạng Bồ Tát nói: Con hiện thân hình ra ở cùng khắp trăm nghìn muôn ức¹² hằng hà sa số³⁸ thế giới. Trong mỗi thế giới hóa hiện ra trăm nghìn muôn ức thân. Mỗi thân đó hóa độ¹³ trăm nghìn muôn ức người.....”

22. **Ăn.** Chúng sanh ở các cõi tịnh không ăn giống như chúng ta ở cõi uế (*dơ bẩn*) ăn.

Kinh Vô Lượng Thọ chép: “Chúng sanh ở thế giới Cực Lạc khi muốn ăn thì bát đĩa bằng 7 báu hiện ra, có đủ nhiều thức ăn, uống theo ý muốn. Tuy thức ăn hiện ra, nhưng chẳng có ai ăn. Thấy sắc, ngửi mùi, thân tâm dịu dàng, tự nhiên no đủ. Bát đĩa, thức ăn biến mất, đến giờ lại hiện.”

Hòa Thượng Tịnh Không giảng: “Những chúng sanh vừa sanh về thế giới Cực Lạc mới có thói quen muốn ăn như khi còn ở các cõi uế.”

Kinh Pháp Hoa, phẩm 8, Ngũ Bá Độ Tử Thọ Ký chép: “Chúng sanh ở thế giới Thiện Tịnh của Pháp Minh Như Lai chỉ dùng hai thức ăn là thiền duyệt thực và pháp hỷ thực.”

Kinh A Hàm giảng: “Do thiền định nuôi dưỡng tinh thần, thân tâm an lạc là nghĩa của ăn. Nghe pháp để tu, tu xong chứng được quả là nghĩa của ăn.”

23. **Kinh hành. Hoà Thượng Thích Trí Tịnh giảng:** “Đi kinh hành là đi vòng quanh, chậm rãi, vừa đi vừa tưởng niệm những pháp lành”.

Chúng sanh ở thế giới Cực Lạc ăn xong, đi kinh hành, nghe tiếng chim hót hòa nhã, diễn nói diệu pháp và nghe tiếng gió lay động cây báu, lưới báu, phát ra những âm thanh nhiệm mầu như trăm ngàn thứ nhạc cùng trỗi lên, liền sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

24. **Năm căn, Năm lực, Bảy phần Bồ Đề, Tám phần Chánh đạo.** Đây là 25 phẩm trong 37 phẩm trợ đạo³⁰, là pháp để diệt trừ

tất cả những phiền não: Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến....

Bởi phiền não là nguyên nhân gây khổ, là mầm si mê, biến hoại, nên khi diệt sạch chúng thì hết khổ, trí huệ phát sanh, dứt hẳn sanh, tử.

(Muốn biết rõ hơn về 37 phẩm trợ đạo, xin đọc sách Phật Thuyết A Di Đà Kinh, Yếu Giải của sa môn Trí Húc.)

25. **Niệm:** Niệm là nghĩ đến, nhớ đến.

Phật, Pháp, Tăng. *Hòa Thượng Tịnh Không nói:* “Ba chữ này chỉ tự tánh Tam Bảo:

a. **Phật Bảo** là giác, tức là tánh giác sẵn có của chúng sanh.

b. **Pháp Bảo** là chánh, tức là chánh tri (*biết chân chánh*), chánh kiến (*thấy chân chánh*).

c. **Tăng Bảo** là tịnh: Sáu căn¹⁶ thanh tịnh.

Giác mà không mê là niệm Phật. Chánh mà không tà là niệm Pháp. Tịnh mà không nhiễm là niệm Tăng.”

26. **Ông chớ cho rằng những giống chim**

ấy đúng thật do tội báo mà sanh ra:
Những con chim ấy không phải do các kiếp trước tạo nhiều tội ác, nên nay phải mang thân chim.

Ba đường ác là: Súc sanh, Ngã quỷ, Địa ngục.

27. **A tăng kỳ**, phiên âm từ tiếng Phạn “*Asamkhyā*”, dịch ra tiếng Hán là *vô lượng vô biên*, có nghĩa là nhiều lắm, không thể tính, đếm hết được.

28. **A Di Đà**: A Di Đà là phiên âm từ tiếng Phạn “*Amitabha*”, dịch ra tiếng Hán là *vô lượng*, có rất nhiều nghĩa. Trong kinh *A Di Đà*, đức Phật Thích Ca chỉ nói 2 nghĩa quan trọng nhất là *vô lượng quang* và *vô lượng thọ* mà thôi.

Tùy nguyện, tùy cơ của mỗi vị Phật mà khi thị hiện, quang minh và thọ mệnh của mỗi vị, mỗi khác. Thị hiện ở thế giới Cực Lạc:

a. **Đức Phật A Di Đà đặc biệt có danh hiệu là Phật Vô Lượng Quang** vì: Vô lượng quang minh của đức Phật ấy soi

các thế giới ở khắp 10 phương không gì chướng ngại.

Đức Phật A Di Đà phóng quang soi khắp 10 phương vô lượng thế giới, không gì chướng ngại là để nhiếp lấy (*thâu nhận*), không bỏ những chúng sanh niệm Phật và giúp những chúng sanh ấy cầu (*tham, sân, si*) diệt, thiện sanh, thân, ý nhu nhuyễn:

Kinh Quán Vô Lượng Thọ chép: “Phật A Di Đà phóng quang soi khắp 10 phương vô lượng thế giới, nhiếp lấy, không bỏ những ai niệm Phật.”

Kinh Vô Lượng Thọ chép: “Chúng sanh nào chạm quanh mình ấy thì cầu diệt, thiện sanh, thân, ý nhu nhuyễn.”

- b. **Đức Phật A Di Đà có biệt danh là Phật Vô Lượng Thọ** vì: Thọ mạng của đức Phật ấy lâu dài đến số vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp.

Thọ mạng của đức Phật A Di Đà lâu dài đến số vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp là để Phật có thể tiếp dẫn tất cả những chúng sanh tín, nguyện, niệm Phật cầu vãng sanh:

Kinh Vô Lượng Thọ chép nguyện thứ 18 của tỳ kheo Pháp Tạng, tiền thân của đức Phật A Di Đà: “Khi tôi thành Phật, chúng sanh ở 10 phương hết lòng tin, ưa, mong muốn sanh về cõi nước của tôi, niệm danh hiệu tôi cho đến 10 niệm, nếu không được sanh tôi không giữ ngôi Chánh Đẳng Chánh Giác⁴¹, chỉ trừ những kẻ phạm tội ngũ nghịch, chê bai Chánh pháp.”

(Tội ngũ nghịch là: Giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm Phật chảy máu hay phá hủy tượng Phật, chia rẽ chư Tăng.)

29. **Kiếp** viết tắt của *kiếp-ba*, là phiên âm từ tiếng Phạn “*kalpa*”.

1 Tiểu kiếp dài 16800000 năm.

1 Trung kiếp có 20 Tiểu kiếp.

1 Đại kiếp có 4 Trung kiếp.

Theo sách Phật Thuyết A Di Đà Kinh, Yếu Giải của sa môn Trí Húc thì chữ kiếp trong kinh A Di Đà chỉ 1 tiểu kiếp, dài 16800000 năm.

30. **Thanh Văn.** Dịch từ tiếng Phạn

“*Sravaka*”, là những người tu pháp Tứ Diệu Đế để tự cứu mình thoát khổ¹⁴. Bốn diệu đế (*4 chân lý nhiệm mầu*) này là:

- a. **Khổ Đế**: Tất cả những nỗi khổ của con người.
- b. **Tập đế**: Tập hợp tất cả những nguyên nhân gây khổ (*Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến...*), làm cho là mình.
- c. **Diệt Đế**: Diệt hết những nguyên nhân gây khổ thì hết khổ.
- d. **Đạo Đế** là những phương pháp để diệt những nguyên nhân gây khổ, gồm có 37 phẩm Trợ đạo²⁴.

Các quả vị của Thanh Văn là: Sơ quả Tu Đà Hoàn, Nhị quả Tư Đà Hàm, Tam quả A Na Hàm, và Tứ quả A La Hán. Phải dứt được kiến hoặc và tư hoặc mới đắc A La Hán⁷, mới thoát hẳn khổ sanh, tử luân hồi. (*Hoặc là mê lầm. Kiến hoặc là bị những thành kiến, tà kiến làm cho mê lầm. Tư hoặc là bị những phiền não tham, sân, si, mạn, nghi...làm cho mê lầm*).

Tổ Trí Húc giảng: “Thực ra, các bậc Thanh Văn tu hạnh Tiểu thừa (*tu chỉ để tự cứu mình thoát khổ*) ở những thế giới khác

không thể sanh sang thế giới Cực Lạc. Chỉ có những vị nào lúc lâm chung biết hồi hướng về tâm Bồ Đề³⁴, tín, nguyện, niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà, cầu Phật tiếp dẫn, thì mới được vãng sanh. Khi những vị này đã sanh sang thế giới Cực Lạc rồi, nghe nói pháp, đoạn trừ được kiến hoặc và tư hoặc, thì gọi là A La Hán, giống như các vị Bồ Tát ở ngôi thứ bảy⁹ (*Thất Tín*) về Biệt giáo⁴⁰, chứ chẳng phải thật là Thanh Văn.”

31. **Chứng ngôi Bất Thoái.** Chứng: Viết tắt của *chứng đắc*, nghĩa là đạt được. Bất thoái: Dịch từ tiếng Phạn “*Avaivartī*”, phiên âm là *A bệ bạt trí*, có nghĩa là chẳng lui sụt xuống nữa.
32. **Nhất Sanh Bồ Xứ:** Chỉ một lần sanh ra ở đây là được bỏ lên ngôi Phật. (*Ngang hàng với Bồ Tát Di Lặc*)
33. **Cùng với những thượng thiện nhân sum họp một chỗ.** *Tổ Ngẫu Ích giảng:* “Ở trong đời này, người được thấy, được

nghe các vị Thánh giảng pháp rất ít; được thân cận với các ngài lại càng ít hơn. Ngày nay chúng ta nhờ tu Tịnh nghiệp (*ngiệp niệm Phật*) là nghiệp không có phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến; là nghiệp có nhiều thiện căn, phước đức nên cảm ứng cùng được hội họp với các ngài ở thế giới Cực Lạc, làm bạn với nhau. Thế là từ phàm phu (*người thường*) hạ liệt (*thấp kém*) lên thẳng ngôi Bồ Tát Bất Thoái.”

34. Không thể chỉ dùng một chút thiện căn phước đức, nhân duyên mà được sanh về nước của đức Phật A Di Đà. Vậy: Phải có nhiều thiện căn phước đức, nhân duyên mới được sanh về đó.

Theo Tổ Trí Húc thì: “Tâm Bồ Đề của mỗi người là thiện căn (bản tánh thiện lành) của người đó (Bồ Đề, phiên âm từ tiếng Phạn “Bodhi”, dịch ra tiếng Hán là “giác”. Tâm Bồ Đề là tâm cầu quả giác ngộ³ của Phật để cứu độ¹³ chúng sanh. Tâm cầu sanh về thế giới Cực Lạc là tâm Bồ Đề, vì sanh về cõi ấy thì thoát sanh tử luân hồi, tu hành không thoái chuyển cho tới khi

thành Phật, thành Phật thì cứu độ chúng sanh. Do đó, tâm cầu sanh về thế giới Cực Lạc là thiện căn của người tu pháp môn Niệm Phật).

Tu các pháp như Bồ thí, Giữ giới, Tụng kinh, Thiền định, Tụng chú, Niệm Phật ... đều tạo ra phước đức, là những duyên giúp cho cái nhân thiện căn nầy nở.

Việc làm dễ tạo nhiều thiện căn, phước đức nhất là niệm Phật. **Người tu pháp môn Niệm Phật hết lòng tin ưa, mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc** (mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc là tâm cầu sanh về thế giới Cực Lạc là thiện căn tức là “nhân”), **miệng niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà để cầu Phật tiếp dẫn vãng sanh** (niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà là “duyên” giúp cho cái “nhân” mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc nầy nở thành cái “quả” vãng sanh) **thì mỗi một tiếng niệm Phật, tiếng nào cũng đầy đủ thiện căn rất nhiều phước đức**. Người niệm Phật mà tâm còn tán loạn, thiện căn, phước đức cũng đã nhiều vô lượng, huống chi là người niệm Phật nhất tâm bất

loạn.

Tu bất cứ pháp môn nào, ngoại trừ pháp môn Niệm Phật, cũng rất khó có đủ thiện căn phước đức, nhân duyên để được vãng sanh^{35a} (vì thiện căn là nhân, phước đức là duyên, nên nói thiện căn phước đức, nhân duyên)."

a. Niệm Phật có nhiều phước đức.

- Kinh Đại Phẩm Bát Nhã chép: "Nếu có thiện nam, thiện nữ nào tán tâm niệm Phật thì được phước vô cùng. Nhờ phước đức ấy, xa lìa các sự khổ não."

- Kinh Xưng Dương Chư Phật Công Đức chép: "Nếu có thiện nam, tín nữ nào nghe danh hiệu của đức Phật A Di Đà, một lòng tin, kính, hâm mộ, trì tụng, xưng niệm thì: Người này sẽ được vô lượng vô biên phước đức, thoát hẳn 3 cõi ác; sau khi mạng chung được sanh về thế giới Cực Lạc của đức Phật ấy."

b. Niệm Phật có nhiều thiện căn:

- Kinh Đại Bi Thuyết Minh chép: "Nếu chúng sanh nào một phen thành tín xưng danh hiệu của đức Phật A Di Đà, do thiện căn ấy chắc chắn sẽ được vào

cảnh giới Niết Bàn.”

- *Kinh Hiền Ngu, phẩm Xuất Gia chép:*
“Khi đức Phật Thích Ca còn tại thế, có một ông già đến tịnh xá của Phật để cầu xin xuất gia. Phật đi vắng, ông gặp các Tôn Giả và các đại A La Hán, xin được xuất gia. Các vị này đều không thu nhận ông, vì quan sát thấy ông lão trải qua nhiều kiếp không gieo trồng thiện căn. Ông lão buồn khóc.

Khi đức Phật về tới, trông thấy tình cảnh của ông, Phật hỏi lý do. Ông thành kính trình bày những việc đã qua. Phật liền độ cho ông xuất gia. Đức Phật dạy rằng:

Quý Tôn Giả dù là A La Hán, nhưng không thể biết rõ thiện căn của ông lão này. Trải qua vô lượng vô biên kiếp về trước, ông là một tiểu phu, một hôm vào rừng đốn củi, bị mãnh hổ bức bách, sợ quá, leo lên một cây cao, thành kính xưng niệm: “*Nam mô Phật*”. Do thiện căn này được giữ trong tạng thức, trải qua vô lượng vô biên kiếp, chủng tử (*hột giống*) Niệm Phật ấy vẫn còn

nguyên. Vì vậy, bây giờ gặp ta, được ta độ cho xuất gia.”

(Tạng thức là nơi chứa các nghiệp thiện, ác của chúng sanh. Một nghiệp thiện hay ác ở trong tạng thức khi gặp đủ duyên thì nó sẽ tạo thành nghiệp quả. Tạo nghiệp nhân thiện thì hưởng nghiệp quả tốt; gây nghiệp nhân ác thì nhận nghiệp quả khổ. Khi chết, tạng thức mang nghiệp sang kiếp khác, tùy nghiệp mà vào cảnh giới mới.)

35. Thiện nam, thiện nữ. Thiện là lành.

Thiện nhân là người làm việc lành. Ví dụ:

Người thường tới chùa lễ Phật thì gọi là thiện nam hay tín nữ. Người hiểu biết chánh pháp, chỉ dạy người khác tu tập gọi là thiện tri thức. Trong kinh A Di Đà, đức Thế Tôn gọi những bậc Nhất Sanh Bất Tử³² là những thượng thiện nhân.

Chấp trì danh hiệu Phật. Chấp là nắm lấy. Trì là gìn giữ. Chấp trì danh hiệu Phật là: Niệm danh hiệu Phật không xen tạp, không gián đoạn.

Nếu có người thiện nam hay người

thiện nữ nào nghe nói **Phật A Di Đà**, chấp trì danh hiệu của đức Phật ấy...một lòng không loạn..., người ấy liền được sanh về thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà.

Tổ Trí Húc giảng: “Thiện nam, thiện nữ ở trong câu kinh này chỉ những hạng người nào?

Bất luận là hạng người nào, tại gia, xuất gia, người già, người trẻ....miễn là được nghe danh hiệu của đức Phật A Di Đà tức là thiện căn của người đó trồng từ nhiều kiếp trước nay đã chín, thì những người ấy dù có phạm tội Ngũ Nghịch^{28b}, Thập Ác cũng vẫn được gọi là thiện (*Tội Thập Ác là: Sát sanh, trộm cắp, tà dâm; nói dối, nói lời thêu dệt, nói lời ly gián, nói lời hung dữ; tham lam, sân hận, si mê*).

Nghe danh hiệu của đức Phật A Di Đà rồi tin, tin rồi mới phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc. Tin sâu, nguyện thiết mới chịu chấp trì danh hiệu Phật. Những người chẳng tin, chẳng nguyện thì dù có được nghe danh hiệu Phật cũng như không được nghe (*không được gọi là người*

thiện). Mặc dù sự nghe ấy là cái mầm thiện căn về nhiều kiếp sau này, nhưng bây giờ thì chẳng được gọi là văn huệ (trí tuệ nghe).”

Như vậy, theo Tổ Trí Húc thì: **Thiện nam, thiện nữ ở trong câu kinh trên chỉ những người được nghe danh hiệu của đức Phật A Di Đà, hết lòng tin có thể giới Cực Lạc, có đức Phật A Di Đà, tha thiết nguyện sanh về thế giới ấy, không phải là những người hành Thập Thiện (Hành Thập Thiện là thực hành mười điều thiện, trái ngược với phạm tội Thập Ác là phạm mười tội ác đã kể ở trên).**

Thật vậy, tông chỉ của pháp môn Niệm Phật là Tín, Nguyện, Hạnh, nhưng quan trọng nhất là Tín và Nguyện

- a. **Nếu Tín, Nguyện yếu, dù không làm điều ác, chỉ làm điều thiện và chấp trì danh hiệu của đức Phật A Di Đà một lòng không loạn thì cũng không thể sanh về thế giới Cực Lạc (xem phần 1 của Bài đọc thêm).**

Chỉ cần hết lòng tin có thể giới Cực Lạc, nguyện sanh về thế giới ấy và

niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà thì được vãng sanh (vãng sanh: Viết tắt của vãng sanh Cực Lạc quốc, có nghĩa là sanh qua nước Cực Lạc).

Kinh Vô Lượng Thọ chép nguyện thứ 18 của đức Phật A Di Đà: “Khi tôi thành Phật, chúng sanh ở 10 phương hết lòng tin, ưa, mong muốn sanh về cõi nước của tôi, niệm danh hiệu tôi cho đến 10 niệm; nếu không được sanh tôi không giữ ngôi Chánh Đẳng Chánh Giác⁴¹; chỉ trừ những kẻ phạm tội Ngũ Nghịch^{28b}, chê bai chánh pháp”.

- b. Dù bản thân có nhiều tội chướng; nhưng hết lòng tin có thể giới Cực Lạc, tha thiết nguyện sanh về thế giới ấy, niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà để cầu vãng sanh, thì khi lâm chung vẫn được Phật tiếp dẫn:***

Pháp Nhiên Thượng Nhân, khai Tổ của Tịnh Độ tông Nhật Bản nói: “Chẳng cần để ý là tâm mình thiện hay ác, tội chướng nặng hay nhẹ, mà chỉ nên niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà, và phát khởi cái tâm quyết định nương Phật thế

nguyện, chắc chắn vãng sanh. Cho rằng bản thân bị tội chướng, khó được vãng sanh, là điều sai lầm rất lớn.”

Đại sư Từ Chiếu giảng: “Niệm Phật (tâm nhớ đức Phật A Di Đà, muốn sanh về thế giới Cực Lạc; miệng xưng danh hiệu Phật để cầu Phật tiếp dẫn vãng sanh) là pháp Đới Nghiệp Vãng Sanh. Người tu đừng nghĩ rằng mình còn tham, sân, si, không được sanh về thế giới Cực Lạc. Nếu không niệm Phật để cầu vãng sanh thì dù tội nhẹ cũng không thoát khỏi sanh tử luân hồi. Trái lại, nếu hết lòng tin có thế giới Cực Lạc, nguyện sanh về thế giới ấy, niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà để cầu Phật tiếp dẫn vãng sanh thì dù còn tội chướng, nghiệp nặng, cũng vẫn được vãng sanh vì nhờ nguyện lực của Phật tiếp độ (tiếp dẫn, cứu độ). Ví như hạt cát nhẹ, bỏ xuống nước liền chìm; trái lại, tảng đá to, nếu được thuyền chuyên chở thì có thể mang từ nơi này tới nơi khác.”

Kinh Quán Vô Lượng Thọ chép: “Chúng sanh gây nghiệp bất thiện: Năm

tội đại nghịch (*tội Ngũ Nghịch*), mười điều ác độc (*tội Thập Ác*), tóm lại đủ cả các điều chẳng lành. Kẻ ngu như thế, do tạo nghiệp xấu, đáng đọa đường ác²⁶, trải qua nhiều kiếp chịu khổ vô cùng. Nhưng kẻ ngu này lúc sắp lâm chung, may mắn gặp được bậc thiện tri thức an ủi đủ điều, nói những pháp mầu, dạy xưng danh hiệu Phật A Di Đà. Người nọ hết lòng niệm chẳng dứt tiếng, được đủ 10 niệm. Nhờ xưng danh Phật, mỗi niệm trừ được tội sanh tử 80 ức kiếp. Khi vừa tắt hơi, thấy hoa sen vàng như vàng mặt trời ở trước người ấy. Trong khoảng phút chốc liền được sanh về thế giới Cực Lạc.”

Chú ý: Hết lòng mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc mà niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà để cầu vãng sanh thì diệt được rất nhiều tội. Dù chưa thể diệt hết được tất cả những tội đã tạo ra trong kiếp này và những tội đã tạo ra trong vô lượng kiếp trước thì người niệm Phật vẫn có thể đở nghiệp vãng sanh.

Sách Quê Hương Cực Lạc của Hòa

Thượng Tuyên Hóa chép: “Đói nghiệp
vãng sanh là mang những nghiệp cũ đi
vãng sanh, chứ không phải là mang
những nghiệp mới tạo ra đi vãng sanh.”

Đại sư Ấn Quang nói: “Người niệm
Phật phải sửa trừ tâm tánh xấu xa. Sám
hối rất thích hợp với pháp môn Niệm
Phật...”

Sám hối là động từ kép, ghép từ tiếng
Phạn “*samma*” nghĩa là hổ thẹn, ăn năn
vì những tội lỗi đã làm và tiếng Trung
Hoa “*hối quá*” nghĩa là sửa đổi (*hối cải*)
lỗi lầm.

Cách sám hối: Tự bày tỏ những tội lỗi
mình đã làm trước hình tượng Phật, Bồ
Tát hay trước các bậc đức hạnh. Ăn năn,
từ nay xin sửa đổi không dám tái phạm.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương chép:
“Người có lỗi tự hiểu biết sai, đổi ác làm
thiện, tội tự tiêu diệt.”

- 36. Nếu có người thiện nam hay người
thiện nữ nào nghe nói *Phật A Di Đà*,
chấp trì danh hiệu của đức Phật ấy
hoặc trong một ngày, hoặc trong hai**

ngày, hoặc trong ba ngày, hoặc trong bốn ngày, hoặc trong năm ngày, hoặc trong sáu ngày, hoặc trong bảy ngày, một lòng không loạn thì: Lúc lâm chung, Phật A Di Đà cùng các Thánh chúng hiện trước người ấy; khi thọ mạng hết, tâm không điên đảo, người ấy liền được sanh về thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà. Vì:

- a. Thiện nam, thiện nữ trong câu kinh này chỉ những người được nghe danh hiệu của đức Phật A Di Đà, hết lòng tin có thế giới Cực Lạc, có đức Phật A Di Đà, tha thiết nguyện sanh về thế giới ấy khi mạng chung.
- b. Tin chân thành, nguyện tha thiết, niệm Phật một lòng không loạn (*niệm lực tinh thuần*) thì lâm chung vẫn sanh ở Thượng phẩm (*xem mục số 1 ở bài đọc thêm*).
- c. Chỉ người nào được sanh về Thượng phẩm ở thế giới Cực Lạc thì: Lúc lâm chung, đức Phật A Di Đà và Thánh chúng mới hiện ra trước người ấy (*Kinh Vô Lượng Thọ*).

Nên câu kinh trên có nghĩa là: ***Người nam hay người nữ nào được nghe danh hiệu của đức Phật A Di Đà, hết lòng tin có thể giới Cực Lạc, tha thiết nguyện sanh về thế giới ấy, niệm danh hiệu của Phật không xen tạp, không gián đoạn hoặc trong một ngày, hoặc trong hai ngày, hoặc trong ba ngày, hoặc trong bốn ngày, hoặc trong năm ngày, hoặc trong sáu ngày, hoặc trong bảy ngày, một lòng không loạn thì: Lúc lâm chung, đức Phật A Di Đà cùng các Thánh chúng hiện trước người ấy; khi thọ mạng hết, tâm không điên đảo, người ấy liền được sanh về thế giới Cực Lạc ở Thượng phẩm.***

- Chú ý:** Tùy theo căn cơ của chúng sanh mà Phật nói pháp, hoặc nói cao, hoặc nói thấp, khiến cho ai cũng tin, nhận được sự giáo hóa của Phật, cũng được lợi ích, nên:
- a. ***Với Trưởng lão Xá Lợi Phất là Đại A La Hán, có trí huệ rất cao, thấu hiểu những lời Phật nói:*** Thế Tôn giảng kinh A Di Đà, chỉ thẳng cách niệm Phật cầu sanh về Thượng phẩm ở thế giới Cực

Lạc, mà không nói những cách tu hành cầu sanh về các phẩm thấp hơn.

- b. ***Với thị giả A Nan là tỳ khưu chưa chứng A La Hán, hoàn toàn tin Phật, thực hành những điều Phật dạy:*** Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ, chỉ bày nhiều cách tu hành hơn, giúp cho chúng sanh trí hay ngu, cũng đều có thể tìm ra cách tu thích hợp để được vãng sanh. (Sau khi đức Phật Thích Ca nhập Niết Bàn không lâu, Tôn giả A Nan mới chuyên tâm tu tập, đắc A La Hán để tham dự pháp hội “Kiết Tập Kinh Điển” của các A La Hán².)
- c. ***Với phu nhân Vi Đề Hy là phạm phu, chán ghét cõi Sa Bà, muốn sanh đến chỗ không lo buồn:*** Phật giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ, chỉ bày nhiều cách tu hành, dù là người đã phạm tội Ngũ Nghịch, Thập Ác, lúc lâm chung, tướng địa ngục hiện ra, sợ quá, mới tu, cũng có cách tu để được sanh về thế giới Cực Lạc, hưởng những điều vui^{35b}.

37. Lợi ấy là: Khi lâm chung tâm không điên

đảo, được đức Phật A Di Đà tiếp dẫn về thế giới Cực Lạc, thoát sanh tử luân hồi, lên ngôi Bất Thoái.

Trong khi tu các pháp môn khác, muốn lúc lâm chung tâm không điên đảo, thoát vòng sanh tử luân hồi, lên ngôi Bất Thoái thì rất khó.

Tổ Trí Húc giảng: “Ở Sa Bà, tự lực tu hành rất khó thoát khỏi cửa ải sanh tử. Những kẻ tu hành ngoan cố, có chút trí huệ, ngông cuồng, chắc chắn không thể thoát sanh tử luân hồi. Ngay như những người tu pháp Thiền tông, đốn ngộ sâu xa (*Đốn là nhanh, là tắt không qua trung gian. Ngộ, viết tắt của ngộ đạo, có nghĩa là hiểu thật rõ đường lối, phương pháp tu hành, hiểu rất rõ giáo lý để thực hành, tu tập*), giữ gìn cẩn thận, nhưng đến lúc lâm chung, chỉ một tí tập khí (*thói quen lâu đời*) tham lam, giận dữ, ngu si, ngạo mạn bằng sợi tơ còn sót lại, chưa trừ hết được, cũng dư sức lôi mình đi đầu thai. Người tu được đạo quả thứ nhất của Tiểu thừa rồi (*Tu Đà Hoàn*³⁰), đầu thai; lúc sanh ra, cũng thành mê muội. Vị Bồ Tát từ thân năm ấm này sang thân năm ấm khác¹⁴

cũng bị hôn mê (*Vị là chưa. Vị Bồ Tát là Bồ Tát chưa đắc đạo*). Chỉ có người tín, nguyện, niệm Phật thì lúc lâm chung được đức Phật A Di Đà tiếp dẫn, mới tự tại vãng sanh, thoát sanh tử luân hồi, lên ngôi Bất Thoái.”

38. Hằng hà sa số: Hằng hà là sông Hằng (*Gange*), một con sông lớn, phát xuất từ Hy Mã Lạp sơn (*Himalaya*), chảy qua miền Bắc của Ấn Độ, rồi đổ ra vịnh Bengale, dài 3090 km. Sa là cát.

Hằng hà sa số, có nghĩa là nhiều lắm, nhiều như số cát ở sông Hằng.

39. Tam thiên đại thiên thế giới. Tổ Trí Húc giảng:

“1 tiểu thiên thế giới có 1000 thế giới.

1 trung thiên thế giới có 1000 tiểu thiên thế giới.

1 đại thiên thế giới có 1000 trung thiên thế giới hay $1000 \times 1000 \times 1000 = 1$ tỉ thế giới.

Vì vậy 1 đại thiên thế giới còn gọi là *1 tam thiên đại thiên thế giới*. Chữ tam thiên ở đây có nghĩa là $1000 \times 1000 \times 1000$ chứ

không phải là 3000.”

Tướng lưỡi rộng dài :

- a. ***Hiện tướng lưỡi rộng dài chứng tỏ lời nói không hư dối. Sách Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải của Tổ Trí Húc chép:*** “Người thường giữ được giới Bất Vọng Ngữ (*không nói dối*) trong 3 đời, khi sanh ra có lưỡi rộng dài, lè ra uốn lên đến mũi.”

Kinh Pháp Hoa, phẩm 21, Như Lai Thần Lực chép: “Thế Tôn hiển sức thần thông lớn, bày tướng lưỡi rộng dài lên đến trời Phạm Thiên...”.

Hoà Thượng Thích Thanh Từ giảng: “Phật hiện tướng lưỡi rộng dài tới trời Phạm Thiên, chứng tỏ Phật tu hạnh Bồ Tát vô số kiếp cho tới khi thành Phật, chưa từng nói dối. Lời Phật nói là lời chân thật, trải qua 3 đời quá khứ, hiện tại, vị lai, không thay đổi”.

- b. ***Dùng tướng lưỡi rộng dài nói pháp thì pháp âm vang xa. Kinh Hoa Nghiêm, phẩm 22, Thập Vô Tận Tạng chép:*** “Đại Bồ Tát Biện Tạng khi thuyết pháp, dùng lưỡi rộng dài phát ra tiếng vi

diệu vang đến khắp tất cả thế giới trong 10 phương.”

Trong sách Phật Thuyết Kinh A Di Đà, Hòa Thượng Tuyên Hóa lược giải: “Phật xuất ra tướng lưới rộng dài trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới nói pháp, có nghĩa là: Phật xuất ra tướng lưới rộng dài nói pháp, Phật pháp lưu thông khắp cả tam thiên đại thiên thế giới.”

40. **Chúng sanh các người phải nên tin kinh “Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn, Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm” này.** Câu này dịch từ câu kinh tiếng Hán: *“Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị: Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm kinh.”*

Sách Phật Thuyết A Di Đà Kinh, Yếu Giải của Tổ Trí Húc chép: “Chư Phật ở 6 phương đều gọi tên kinh này là kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức (kinh Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn) Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm (Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm). Nhưng Pháp sư Cưu Ma La Thập thuận theo

người Trung Hoa ưa nói vắn tắt nên dịch tên kinh này là kinh A Di Đà”.

Hộ niệm. Hộ có nghĩa là giúp đỡ. Niệm: Viết tắt của quyển niệm nghĩa là thương nhớ.

Kinh Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm. Kinh này có tên là kinh Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm vì: Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào nghe rồi thọ trì kinh A Di Đà (*nghe rồi ghi nhớ không lúc nào quên, y theo đó tu hành*) thì người ấy được tất cả chư Phật hộ niệm (*thương nhớ, giúp cho*), không bị thoái chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác⁴¹.

Kinh Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn. Kinh này có tên là kinh Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn vì:

- a. ***Kinh khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của những chúng sanh tin, nguyện, niệm Phật, cầu vãng sanh:***
Nói những lợi ích không thể nghĩ bàn của công đức ấy: Được chư Phật ở khắp mọi phương hộ niệm, thoát sanh tử luân hồi, có thọ mạng lâu dài tới vô lượng vô biên kiếp như Phật, không

chịu những sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, sum họp với những thượng thiện nhân, lên ngôi Bất Thoái v.v...

Sách Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải của Tổ Trí Húc chép: “Bốn chữ không thể nghĩ bàn có 5 ý nghĩa:

- Người niệm Phật có thể thoát sanh tử luân hồi ngay, chẳng cần phải đoạn trừ hết kiến hoặc, tư hoặc³⁰ như tu các pháp môn khác.
- Sanh sang Tây phương rồi thì tiến thẳng lên ngôi Bất Thoái, Nhất Sanh Bổ Xứ.
- Chỉ chuyên trì niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà, chẳng cần đến bất cứ phương tiện nào khác.
- Trong 7 ngày có thể thành công, chẳng cần phải tu nhiều đời, nhiều kiếp.
- Chỉ cần trì niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà thôi, thì được tất cả chư Phật hộ niệm, cũng giống như trì niệm danh hiệu của tất cả chư Phật.

Lại còn một ý nghĩa nữa là: Người tín, nguyện, trì niệm danh hiệu của đức

Phật A Di Đà sẽ thu nhiếp được công đức của Phật, làm thành công đức của mình.”

b. *Kinh khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của chư Phật:*

- *Đức Phật Thích Ca khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của đức Phật A Di Đà và công đức không thể nghĩ bàn của chư Phật ở khắp mọi phương.*
- *Chư Phật khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của đức Phật Thích Ca.*

Chú ý. Nếu không tín, nguyện, niệm Phật thì:

a. *Rất khó được tất cả chư Phật hộ niệm.*

Kim Cương Tam Luận chép: “Bồ Tát có căn đã chín rồi, tức là ở ngôi Địa⁹ về Biệt giáo mới được chư Phật hộ niệm (Biệt giáo là giáo pháp đặc biệt dành riêng cho hàng Bồ Tát)”.

Khởi Tín Luận chép: “Tu hành Tín tâm, trải qua 10000 kiếp. Tín tâm thành tựu rồi, sau đó mới tiến vào quả vị Sơ Trụ”.

Mất 10000 kiếp để tu 10 ngôi Tín! Còn phải tu xong 10 ngôi Trụ, 10 ngôi Hạnh, 10 ngôi Hồi Hướng nữa, mới vào được ngôi Địa Bồ Tát để được chư Phật hộ niệm!

b. *Rất khó thoát sanh tử luân hồi.*

Muốn thoát khỏi sanh tử luân hồi thì phải dứt được kiến hoặc và tư hoặc³⁰.

Kinh Niết Bàn chép: “Bậc Tu Đà Hoàn (*Thanh Văn đã chứng được Sơ quả*³⁰) đoạn trừ kiến hoặc như ngăn chặn giòng sông 40 dặm.”

Đoạn trừ kiến hoặc khó như vậy. Đoạn trừ tư hoặc còn khó gấp bội phần. *Tổ Ấn Quang nói:* “Thanh Văn đã chứng được Tam quả³⁰, Bồ Tát thuộc địa vị Lục Tín⁹ còn chưa làm nổi”.

Thế mà chúng sanh chỉ cần tin, làm theo những lời Phật dạy trong kinh A Di Đà thì liền được tất cả chư Phật hộ niệm và khi lâm chung được đức Phật A Di Đà tiếp dẫn về thế giới Cực Lạc, thoát khổ sanh tử luân hồi, lên ngôi Bất Thoái....

Pháp môn Niệm Phật mau nhiệm như vậy, nên tất cả chư Phật ở khắp mọi

phương đều xuất ra tướng lưới rộng dài, khuyên chúng sanh nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn, Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm này.

- 41. Nghe rồi thọ trì kinh A Di Đà và nghe danh hiệu của các đức Phật thì được tất cả chư Phật hộ niệm, không bị thoái chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.**

Nghe rồi thọ trì kinh A Di Đà. Thọ là nhận, lãnh. Trì là gìn giữ. Nghe rồi thọ trì kinh A Di Đà là: Nghe kinh A Di Đà rồi ghi nhớ, không lúc nào quên, y theo đó tu hành.

Nghe danh hiệu của các đức Phật. *Sách Phật thuyết A Di Đà Kinh, Yếu Giải của Tổ Trí Húc chép:* “Kinh Chiêm Xát nói: Kẻ nào mang tâm tạp loạn, nhơ bẩn thì dù có niệm danh hiệu của ta vẫn chẳng phải là nghe danh hiệu ta, vì tâm của người ấy chưa quyết định tin và hiểu thì chỉ được quả báo phước thiện ở thế gian thôi, chẳng được lợi ích màu nhiệm sâu xa rộng lớn.”

Tin và hiểu những điều các đức Phật nói thì mới gọi là nghe danh hiệu của các đức Phật. Các đức Phật mà đức Thế Tôn kể tên trong kinh A Di Đà và tất cả các đức Phật khác đều khuyên chúng sanh phải nên tin kinh A Di Đà nghĩa là khuyên các chúng sanh phải nên tin có thế giới Cực Lạc, nguyện sanh về thế giới ấy và niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà để cầu vãng sanh. Cho nên:

Nghe danh hiệu của các đức Phật ở trong câu kinh này có nghĩa là: Tin có thế giới Cực Lạc, nguyện sanh về thế giới ấy và niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà để cầu vãng sanh.

Tóm lại, câu kinh trên có nghĩa là: ***Nghe kinh A Di Đà rồi ghi nhớ không lúc nào quên, y theo đó tu hành, tin có thế giới Cực Lạc, nguyện sanh về thế giới ấy, niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà để cầu vãng sanh thì được tất cả chư Phật hộ niệm không bị thoái chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.***

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Dịch từ tiếng Phạn “*Anouttara Samyak Sambodhi*”, phiên âm là: *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Tổ *Trí Húc* nói: “Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là sự giác ngộ³ cao nhất, bình đẳng, chân chánh hoàn toàn.”

Các bậc Thanh Văn, Duyên Giác, hay Bồ Tát đều giác ngộ, nhưng chưa hoàn toàn giác ngộ. Phật mới là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là đấng giác ngộ cao nhất, bình đẳng, chân chánh hoàn toàn.

42. **Những người nào đã phát nguyện rồi, hiện đang phát nguyện hay sẽ phát nguyện, mong muốn được sanh về nước của đức Phật A Di Đà, thì hoặc họ đã sanh, hoặc hiện đang sanh, hoặc là sẽ sanh về cõi nước kia.**

Theo Tổ Trí Húc: “Câu kinh này hàm chứa hai nghĩa:

- a. ***Nghĩa thứ nhất:*** Phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc thì khi lâm chung được đức Phật A Di Đà tiếp dẫn về thế giới ấy. Đời nào phát nguyện, thì vãng sanh

ngay trong đời đó (*đã phát nguyện thì đã sanh, hiện phát nguyện thì hiện sanh, sẽ phát nguyện thì sẽ sanh*). Chỉ tu trong một đời là thoát sanh tử luân hồi.

b. Nghĩa thứ hai: Ngay khi một người phát nguyện vãng sanh thì hoa sen của họ hiện ra trong hồ Thất Bảo. Nếu người này tiếp tục tinh tấn niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà để cầu vãng sanh thì hoa sen của họ tăng trưởng đều đều (*hiện đang phát nguyện thì hiện đang sanh*). Người này được đức Phật A Di Đà thọ nhận. Thân của họ tuy còn ở Sa Bà, nhưng họ không còn là người của Sa Bà nữa (*họ chỉ đang tạm trú ở cõi Sa Bà để chờ ngày được đức Phật A Di Đà tiếp dẫn về thế giới Cực Lạc*)."

Vì phải hết lòng tin những điều đức Phật Thích Ca nói trong kinh A Di Đà, không có một chút nghi ngờ thì mới chí thành phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc. Đã chí thành phát nguyện như vậy thì tất sẽ tha thiết niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà để cầu Phật tiếp dẫn vãng sanh, nên:

Tổ Trí Húc nói: “Nguyện là điều cần nhất. Phật chỉ nói một chữ nguyện, nhưng phải hiểu cả tín và hạnh đều nằm trong chữ nguyện đó”.

- a. **Tín.** Hoàn toàn tin những điều đức Phật Thích Ca nói trong kinh A Di Đà: Tin có thế giới Cực Lạc, có đức Phật A Di Đà; tin rằng nếu hết lòng mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc mà niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà thì được tất cả chư Phật hộ niệm và chắc chắn được đức Phật A Di Đà tiếp dẫn về thế giới Cực Lạc khi lâm chung, thoát hẳn sanh tử luân hồi, không chịu những sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, lên thẳng ngôi Bất Thoái.....

Lòng tin là điều cần có trước tiên của người tu, nên *kinh Hoa Nghiêm, phẩm 12, Hiền Thủ chép*: “Lòng tin là bước đầu vào đạo, là mẹ của tất cả các công đức. Lòng tin hay nuôi lớn các căn lành, dứt hẳn cội phiền não, thành tựu quả Bồ Đề của Phật...”

- b. **Nguyện.** Tin những lời đức Phật Thích Ca nói trong kinh A Di Đà, thì phải phát

tâm cầu thoát ly cõi Sa Bà đầy khổ lụy, chướng duyên (*duyên chướng ngại, cản trở việc tu hành*), nguyện sanh về miền Cực Lạc an vui, thanh tịnh, trang nghiêm để tiến tu, hoàn thành mục đích độ¹³ mình, độ người.

Phát nguyện phải chí thành, tha thiết. Phải hết lòng mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc mà phát nguyện, không mong muốn điều gì khác. Nếu miệng nguyện vãng sanh, nhưng tâm lại chỉ mong cầu những lợi ích thế gian, không thực lòng muốn sanh về thế giới Cực Lạc, thì là nguyện giả, chẳng được lợi ích.

Vì vậy, đại sư *Ấn Quang khuyên*: “Làm bất cứ việc gì: Thiện thì hồi hướng cầu vãng sanh, ác thì sám hối nguyện vãng sanh, không mong cầu điều gì khác.”

- c. **Hạnh**. Thật lòng nguyện vãng sanh thì phải thực hành những điều đức Phật Thích Ca nói trong kinh A Di Đà để được vãng sanh. *Phật nói*: “Không thể dùng chút ít thiện căn phước đức mà được sanh về thế giới Cực Lạc”. Phải có nhiều

thiện căn, phước đức mới được sanh về thế giới ấy, nên:

Phải niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà để cầu Phật tiếp dẫn vãng sanh; vì đây là việc làm dễ tạo nhiều thiện căn phước đức nhất³⁴.

Tổ Ấn Quang nói: “Niệm phải khởi từ tâm, tiếng phát ra nơi miệng, âm thanh lọt vào tai, từng chữ phân minh, từng câu chẳng loạn.”

- Hoặc vì tâm muốn nương tựa đức Phật A Di Đà, chí thành cung kính niệm danh hiệu Phật để cầu Phật cứu thoát khỏi Sa Bà, tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc, nên câu “Nam mô A Di Đà Phật” mới từ miệng phát ra.

(Hòa Thượng Thích Trí Thủ giảng: “Nam mô có nghĩa là: Kính lễ, phụng thờ, quy y, quy mạng, xin cứu con, độ con”.)

- Hoặc vì tâm nhớ đức Phật A Di Đà, hết lòng mong muốn gặp Phật, như con thơ lạc mẹ, muốn gặp mẹ, nên câu “A Di Đà Phật” mới từ miệng phát ra. *(Con thơ lạc mẹ chỉ tha thiết gọi*

“Mẹ! Mẹ! Mẹ!...”, không nói “Con kính
lạy mẹ, con quay về nương tựa mẹ,
xin mẹ cứu con...”)

43. **Đời năm ác trược.** Tiếng Hán là “*Ngũ
trược ác thế*”. Trược có nghĩa là vẩn đục.

Hoà Thượng Thích Tâm Châu dịch là:
“Cõi đời năm thứ ác trược.”

Dịch giả Tuệ Nhuận dịch là: “Cái đời có
năm ác trược.”

*Trong sách Phật Thuyết Kinh A Di Đà,
Hoà Thượng Tuyên Hóa lược giải:* “Thế
giới Sa Bà có năm thứ ác trược.”

Năm thứ trược này là:

- a. **Kiếp trược** là thời đại có toàn những
pháp vẩn đục, nhiều tệ đoan, tội ác,
thiên tai.
- b. **Kiến trược** là thời đại có 5 thứ tà kiến,
làm cho chúng sanh tối tăm, mù quáng,
đắm chìm, vẩn đục. Năm thứ tà kiến này
là:
 - Thân kiến là si mê, lầm tưởng thấy
thân ta và những thứ của ta là thật có.
 - Biên kiến là không tin các nghiệp do
thân, miệng, ý tạo ra được tích lũy vào

trong tạng thức³⁴, đọi trở quả, nhân nào quả nấy; khi chết, tạng thức mang nghiệp sang kiếp khác, tùy nghiệp mà vào cảnh giới mới.

- Hoặc chấp thân này là ta thì khi thân chết là hết. Ta đoạn diệt.
- Hoặc chấp hồn của ta là ta; khi thân chết, hồn không mất, ta vẫn tồn tại và không thay đổi. Ta thường trụ.

- Kiến thủ kiến là học theo những ý kiến, chủ nghĩa tà ngụy của những tà thuyết, tà đạo, cho là mầu nhiệm.
- Giới thủ kiến là học theo những giới luật nhằm nhí của bọn tà ma, cho là chân chánh và sẽ đắc đạo.
- Tà kiến là học theo những lý luận, những chủ nghĩa, đạo giáo sai lầm, cho là đời người không có nhân, không có quả, không có thiện báo, ác báo.

c. ***Phiền não trực*** là thời đại có 5 thứ phiền não, ngấm ngấm sai khiến con người:

- Tham lam: Yêu thích, ham muốn.

- Sân hận: Giận dữ, thù hằn.
- Si mê: Ngu dốt, mê muội.
- Man: Kiêu ngạo, khinh người, trịch thượng.
- Nghi ngờ: Không có tín tâm chân thật.

d. **Chúng sanh trước**. Chúng sanh gọi là trước vì thân chứa những thứ nhơ nhớp và tâm vẫn đục: vọng tưởng, chấp trước.

e. **Mạng trước** là mạng sống ngắn ngủi. **Việc rất khó, hiếm có**. Ở thế giới Sa Bà, năm thứ ác trước mà được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và nói ra pháp tu để dụng công, rất an ổn, mau thành tựu nhưng lại rất khó tin, khó hiểu như kinh A Di Đà này là những việc rất khó, hiếm có.

44. Kinh pháp khó tin.

Kinh A Di Đà, pháp Niệm Phật rất khó tin, vì:

- a. Phàm phu³³ không thể dùng sự thấy, biết của mình để suy ra cảnh Thánh ở cõi Cực Lạc.

b. *Tổ Ấn Quang nói:* “Thanh Văn đã chứng Sơ, Nhị, Tam quả³⁰, Bồ Tát thuộc địa vị Lục Tín⁹, còn chưa thoát sanh tử”, thì làm sao phàm phu tin được chỉ niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà từ 1 đến 7 ngày mà vĩnh viễn thoát sanh tử luân hồi ngay trong hiện đời được.

Tuy rất khó tin, nhưng Niệm Phật lại là một pháp tu rất mau nhiệm: Dễ dụng công, rất an ổn, mau thành tựu (nhận xét của đại sư Triệt Ngộ, Tổ thứ 12 của Tịnh Độ tông Trung Hoa).

a. ***Dễ dụng công*** vì:

- Già, trẻ, tại gia, xuất gia, người học cao, kẻ không biết một chữ, ai cũng có thể niệm Phật được.
- Bất cứ lúc nào, ở đâu, cũng niệm Phật được, chỉ trừ khi dụng tâm làm việc.

b. ***Rất an ổn*** vì thành tâm niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà để cầu vãng sanh thì:

- Được tất cả chư Phật hộ niệm (*kinh A Di Đà*): Không bị thoái chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh

Giác⁴¹.

- Được đức Phật A Di Đà phóng quang nhiếp thọ (*kinh Vô Lượng Thọ*): Tham, sân, si diệt, thiện sanh; thân, ý nhu nhuyễn.
 - Được 25 vị đại Bồ Tát là Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Pháp Tạng Bồ Tát, Bảo Tạng Bồ Tát, Kim Cang Bồ Tát, Quang Minh Vương Bồ Tát, Đại Oai Đức Vương Bồ Tát, Vô Biên Thân Bồ Tát..... bảo vệ, gia hộ. (*Kinh Phật Thuyết Thập Vãng Sanh A Di Đà Phật Quốc*): Chuyển hoá được mọi nghịch cảnh, thoát mọi tai nạn, khỏi mọi bệnh tật, an vui, tự tại.
 - Diệt được vô lượng tội. *Kinh Quán Vô Lượng Thọ* chép: “Chí tâm niệm Phật một tiếng diệt tội sanh tử 80 ức kiếp”: Các oán gia, trái chủ không theo báo thù.
- c. **Mau thành tựu** vì nếu hết lòng tin ưa mong muốn sanh về thế giới của đức Phật A Di Đà mà niệm danh hiệu của

Phật để cầu vãng sanh thì khi lâm chung được Phật tiếp dẫn về thế giới Cực Lạc (*kinh Vô Lượng Thọ, nguyện thứ 18*), vĩnh viễn thoát luân hồi sanh tử, không chịu những sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, chứng ngôi Bất Thoái ...(*Kinh A Di Đà*).

Vì vậy:

- a. *Chư Phật ở 6 phương và đức Phật Thích Ca* đều ân cần khuyên chúng sanh: Nên tin kinh A Di Đà.

Đức Phật Thích Ca nhiều lần nhắc chúng sanh: Nên phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc.

Đức Phật Thích Ca khuyên chúng sanh: Nên niệm Phật cầu vãng sanh.

Ba lời khuyên này là Tông chỉ của pháp môn Niệm Phật, gọi tắt là: Tín, Nguyện và Hạnh.

- b. *Hai đại Bồ Tát Mã Minh, Long Thọ* soạn luận hoằng dương pháp môn Tịnh Độ.
- c. *Các Tổ sư của tông Tịnh Độ Trung Hoa từ Tổ Huệ Viễn cho tới Tổ Ấn Quang*, phần nhiều là cao tăng ở những tông

khác, sau mới tu theo Tịnh độ, đều khuyên dạy người niệm Phật.

d. Rất nhiều cao tăng ở các tông khác khuyên, dạy người niệm Phật:

- *Thiền sư Vĩnh Minh, thiền sư Từ Tâm Tân, thiền sư Từ Thọ Thâm, thiền sư Thiên Y Hoài, thiền sư Viên Chiếu Bản, thiền sư Nam Nhạc Tư, thiền sư Pháp Chiếu, thiền sư Tịnh Yếu, thiền sư Tịnh Từ Đại Thông, thiền sư Thiên Thai Hoài Ngọc, thiền sư Đạo Trân, thiền sư Đạo Xước, thiền sư Tỳ Lăng Pháp Chân, thiền sư Cô Tô Thủ Nạp, thiền sư Bắc Nhàn Giản, thiền sư Thiên Mục Lễ là những vị siêu xuất bên Thiền tông, sau khi được minh tâm (tâm được sáng suốt) kiến tánh (thấy được Phật tánh nơi mình), đều hướng về Tịnh Độ, khuyên dạy người niệm Phật.*

Cận đại, hai đại sư *Hư Vân* và *Viên Anh* bên Thiền đều viết sách truyền bá, đề cao pháp môn Tịnh Độ. *Thiền sư Hư Vân* là bậc siêu ngộ³⁷, ở thiền đường thì ngài giảng về đạo lý tham

thiền, ở niệm Phật đường ngài lại khuyên dạy người niệm Phật.

- *Tổ sư khai sáng tông Duy Thức Trung Hoa là ngài Huyền Trang, khi thỉnh kinh từ Ấn Độ về có đem theo quyển kinh A Di Đà bằng Phạn văn, dịch ra Hán văn, nhan đề là Xưng Tán Tịnh Độ Nhiếp Thọ Kinh. Tổ thứ hai bên Duy Thức là đại sư Khuy Cơ viết A Di Đà Kinh Sớ và 3 quyển A Di Đà Kinh Thông Tán Sớ. Đại sư Thái Hư, một cao tăng của tông Duy Thức thời cận đại ở Trung Hoa, giảng thuyết về niệm Phật.*
- *Đại sư Hoằng Nhất bên Luật tông, đại sư Trí Giả và đại sư Đế Nhàn của tông Thiên Thai đều có viết sách truyền bá và đề cao pháp môn Tịnh Độ....*

(Niệm Phật Thập Yếu của Hòa Thượng Thích Thiện Tâm, chương 3 và Tịnh Độ Hoặc Vấn của Thiền sư Thiên Như Duy Tắc.)

45. Việc rất khó.

Ở các cõi tịnh, chúng sanh nghiệp không (*không còn nghiệp*), tâm tịnh nên:

Tu hành dễ đạt được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nói pháp cũng dễ.

Ở các cõi uế, chúng sanh nghiệp nặng, tâm tạp (*tâm nghĩ tưởng lung tung*) nên:

Rất khó tu để đạt được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nói những pháp tu dễ tin, dễ hiểu, từ trình độ thấp tới trình độ cao hơn, cũng đã rất khó. Nói pháp tu tắt, khó tin, khó hiểu (*Chỉ niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà mà thoát khổ sanh tử luân hồi ngay trong hiện đời, tiến thẳng lên ngôi Bồ Tát Bất Thoái ...*) lại càng khó hơn.

46. Vui mừng, tin, nhận, làm lễ, rồi đi, dịch từ câu kinh tiếng Hán “*Hoan hỷ, tín, thọ, tác lễ, nhi khứ*”.

Trí huệ Phật thấy cơ duyên chúng sanh thành Phật đã chín. Mặc dù không ai hỏi mà tự Phật nói ra pháp này, khiến chúng sanh được nhiều lợi ích.

a. **Vui mừng**: Vui mừng vì được nghe Phật nói pháp mau nhiệm: *Thoát sanh tử luân hồi ngay trong hiện đời, lên*

*thẳng ngói Bồ Tát Bất Thoái, Nhất Sanh
Bồ Xứ....*

- b. **Tín, nhận:** Trong tâm không nghi ngờ một tí nào nên gọi là tin. Lãnh nạp những điều Phật dạy trong kinh vào tâm chẳng phút nào quên để y theo đó tu hành nên gọi là nhận.
- c. **Làm lễ:** Lễ Phật, đem thân mạng quay về nương tựa Phật. Như thế gọi là làm lễ.
- d. **Rời đi:** *Tổ Trí Húc giảng:* “Người nghe kinh, tự mình thực hành những điều Phật dạy, tu hành tiến bộ mãi, không thoái chuyển; đem kinh này đi lưu thông, truyền bá khắp nơi, làm lợi ích chúng sanh, để báo đền ơn Phật. Đây là ý nghĩa của hai chữ rời đi.”

TÓM TẮT

1. **Thế giới Cực Lạc.** Thế giới Cực Lạc rất đẹp, rất trang nghiêm và thanh tịnh. Được sanh về thế giới ấy thì vĩnh viễn thoát khỏi sanh, tử luân hồi, không chịu những sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, xum họp với những thượng thiện nhân v.v...
2. **Điều kiện để được sanh về thế giới Cực Lạc.** Muốn được sanh về thế giới Cực Lạc thì:
 - a. ***Phải hoàn toàn tin những điều đức Phật Thích Ca nói trong kinh A Di Đà:***
Tin có thế giới Cực Lạc, có đức Phật A Di Đà.
Tin rằng: Nếu hết lòng mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc mà niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà thì:
 - Được tất cả chư Phật ở khắp mọi phương thương nhớ, giúp cho không bị thoái chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác⁴¹.
 - Được đức Phật A Di Đà phóng quang nhiếp thọ (*thâu nhận*).

- Khi lâm chung được đức Phật A Di Đà tiếp dẫn về thế giới Cực Lạc.

Tin như vậy là điều kiện căn bản để được vãng sanh, nên đức Thế Tôn và tất cả chư Phật ở sáu phương đều khuyên chúng sanh nên tin.

b. ***Phải tha thiết nguyện sanh về thế giới Cực Lạc.*** Đây là điều kiện cần thiết nhất để được vãng sanh nên đức Phật Thích Ca đã nhiều lần ân cần, nhắc đi, nhắc lại là nên nguyện sanh về thế giới ấy. Thậm chí, Phật còn nhấn mạnh là: Nếu phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc thì được vãng sanh:

- “Chúng sanh nào nghe được những lời này thì nên phát nguyện, nguyện sanh Cực Lạc. Tại vì sao vậy? Vì được cùng với các thượng thiện nhân sum họp một chỗ.”
- “Nếu những người nào đã phát nguyện rồi, hiện đang phát nguyện hay sẽ phát nguyện mong muốn được sanh về nước của đức Phật A Di Đà, thì những người ấy đều không thoái chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh

Đẳng Chánh Giác; hoặc họ đã sanh, hoặc là đang sanh, hoặc là sẽ sanh về cõi nước kia.”

c. ***Phải có nhiều thiện căn, phước đức;***
nghĩa là:

- Phải niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà để cầu Phật tiếp dẫn vãng sanh (*vì niệm Phật là việc làm dễ tạo nhiều thiện căn, phước đức nhất*).
- Càng chuyên tâm niệm Phật thì càng tốt (*vì định tâm niệm Phật có vô lượng thiện căn phước đức hơn tán tâm niệm Phật³⁴*).

Nếu tin sâu, nguyện thiết, chấp trì danh hiệu của đức Phật A Di Đà hoặc trong 1 ngày, hoặc trong 2 ngày, hoặc trong 3 ngày, hoặc trong 4 ngày,... hoặc trong 7 ngày một lòng không loạn, thì khi lâm chung đức Phật A Di Đà và Thánh chúng hiện trước người ấy; người ấy tâm không điên đảo, liền được sanh về thế giới Cực Lạc, ở Thượng phẩm.

VÀI LỜI NÓI PHÁP

1. Vài lời về điều kiện để được vãng sanh.

Đại sư Ngẫu Ích, Tổ thứ 9 của Tịnh Độ tông Trung Hoa nói: “Được vãng sanh hay không hoàn toàn là do có *tín*, *nguyện* hay không. Phẩm vị cao hay thấp là do *công phu niệm Phật* sâu hay cạn.

Nếu *tín*, *nguyện* bền chắc, khi lâm chung chỉ niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà 10 niệm hay 01 niệm cũng quyết được vãng sanh. Trái lại, *công phu niệm Phật* vững như vách sắt tường đồng mà *tín* *nguyện* yếu, kết quả chỉ hưởng được phước báo ở cõi Trời, cõi Người mà thôi.”

Đại sư Ấn Quang, Tổ thứ 13 của Tịnh Độ tông Trung Hoa nói: “Người tu pháp môn Niệm Phật phải lấy lòng *tin chân thành*, *nguyện thiết tha* làm gốc. Người đời phần nhiều chú trọng *một lòng không loạn*, chẳng chú trọng *tín*, *nguyện*; tức là đã đánh mất cái quan trọng, cốt lõi nhất. Nếu có lòng *tin chân thành*, *nguyện tha thiết*:

- a. *Niệm lực tinh thuần*, thì ngay trong hiện đời cũng có thể chứng Thánh, lâm chung lên ngay Thượng phẩm.
- b. *Dù căn cơ hèn kém, chưa làm được như thế, tâm chưa được thanh tịnh*, lúc lâm chung cũng được Phật rủ lòng từ tiếp dẫn.”

2. Vài lời về chữ tín trong pháp Niệm Phật.

Tổ Ngẫu Ích giảng: “Niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà là pháp tu để đạt được quả giác ngộ của Phật³. Chỉ có chư Phật mới hiểu hết được.

Pháp môn này về phần rộng thì bao hàm tất cả 8 giáo môn của Phật (*Tiệm giáo, Đốn giáo, Bí mật giáo, Bất định giáo và Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo, Viên giáo*) về phần sâu thì thông suốt được tất cả 5 thời kỳ Phật nói pháp (*Thời Hoa Nghiêm, thời A Hàm, thời Phương Đẳng, thời Bát Nhã và thời Pháp Hoa-Niết Bàn*).

Pháp môn Niệm Phật rất thâm diệu, phá hết thảy mọi lý luận (*lời bàn suông*), diệt hết thảy mọi ý kiến (*tà kiến*). Chỉ có những bậc

đại sư như các ngài Mã Minh (*Tổ thứ 12 chánh truyền*), Long Thọ (*Tổ thứ 14 chánh truyền*), Trí Giả (*Sơ Tổ của tông Thiên Thai Trung Hoa*), Vĩnh Minh (*Tổ thứ 6 của Tịnh Độ tông Trung Hoa*) mới triệt để gánh vác được mà đi thực hành cứu độ⁹ .

Còn những người giàu trí tuệ thế gian, tài thông minh biện bác, thông cả Nho và Thiên thì càng suy nghĩ càng cách xa, chẳng bao giờ tới được. Những người này lại không bằng mấy người ngu dốt, nhưng nghe nói về đức Phật A Di Đà, liền tin, hết lòng niệm Phật cầu vãng sanh; được đức Phật A Di Đà tiếp dẫn khi mạng chung.”

(Muốn biết rõ về 8 giáo môn của Phật và 5 thời kỳ Phật nói pháp, xin xem sách Lịch Sử Kinh Điển Phật Giáo, mục Ngũ thời, Bát giáo.)

Pháp Nhiên thượng nhân, khai Tổ của Tịnh Độ tông Nhật Bản giảng: “Tu Thánh Đạo môn (tất cả mọi pháp môn ngoại trừ pháp môn Tịnh Độ) thì phải dùng tột cùng trí huệ để lìa sanh tử. Còn tu Tịnh Độ môn thì trở lại ngu si (không thắc mắc, nghi ngờ, tìm hiểu, lý luận....) để vãng sanh.

Bởi thế, khi hướng về Thánh Đạo môn thì lấy trau dồi trí huệ, giữ gìn giới cấm, rèn luyện tâm tánh làm tông chỉ. Còn bước vào Tịnh Độ môn thì chẳng dựa vào trí huệ, chẳng lo tròn đạo hạnh, chẳng cần điều hòa tâm tánh; chỉ cần thấy mình là người vô năng, vô trí, hoàn toàn tin lời Phật dạy, nương vào nguyện lực tiếp dẫn của đức Phật A Di Đà mà niệm Phật để được vãng sanh.”

3. Vài lời về chữ nguyện.

a. *Nguyện sanh về thế giới Cực Lạc.*

Đại sư Thiên Đạo, Tổ thứ hai của Tịnh Độ tông Trung Hoa giảng: “Niệm Phật là pháp mẫu nhiệm của đức Phật A Di Đà. Nương vào Phật lực, nhất định an tâm. Tín, nguyện, niệm Phật quyết định vãng sanh.

Niệm Phật không được vãng sanh là tại không tin sâu, hoài nghi, bất an, không thật lòng nguyện vãng sanh. Giả tín, hư nguyện. Miệng niệm Phật, phát nguyện vãng sanh, nhưng tâm lại quyến luyến, vương bận những lợi ích thế gian, mong

cầu công danh, tiền của, thuận lợi, bình an, tiêu tai, khỏi bệnh...., tuyệt đối chẳng lo việc lớn sanh tử. Khi sắp chết vẫn nhìn không thấu, buông bỏ không được, lo lắng đầu này, dính mắc đầu kia, sợ chết, không chí thành cầu Phật tiếp dẫn.”

b. *Nguyện phát Bồ Đề tâm.*

Đại sư Triệt Ngô, Tổ thứ 12 của Tịnh Độ tông Trung Hoa giảng: “Chúng ta từ vô lượng kiếp tới nay, sống chết luân hồi, đã khổ rất nhiều, khi một niệm sai lầm, liền sa vào ác đạo; nên phải chuyên tâm tu hành để sớm thoát vòng sanh tử.

Chúng sanh có cùng một bản thể với chúng ta, là cha mẹ của chúng ta trong nhiều kiếp, là chư Phật đời vị lai; nên chúng ta phải phát đại tâm cứu độ họ, không thể chỉ lo giải thoát riêng mình. Nếu chẳng phát đại tâm thì ngoài không thể cảm thông với Phật, trong không thể hợp với chân tánh¹⁴, trên không thể trọn quả Bồ Đề (*quả giác ngộ hoàn toàn của Phật*), dưới không thể độ khắp muôn loài. Như thế làm sao báo đền người ơn

nhiều kiếp, trả nợ oán gia nhiều đời, thành tựu căn lành đã gieo trồng từ xưa, sám trừ tội nghiệp đã tạo ra trong quá khứ? Tu hành như vậy sẽ gặp chướng duyên, dù có thành tựu thì cũng rất thấp.

Do đó chúng ta phải nguyện phát tâm Bồ Đề, dùng tín, nguyện sâu trì danh hiệu Phật để được sanh về thế giới Cực Lạc khi mạng chung, thoát khổ sanh tử luân hồi, tu hành đắc đạo, hóa độ¹³ chúng sanh.”

c. Văn phát nguyện.

Tổ Ấn Quang nói: “Có nhiều bài văn phát nguyện. Chọn một bài thích hợp với mình để đọc, hoặc tự đặt ra bài phát nguyện ngắn gọn cho riêng mình. Khi đọc bài văn phát nguyện, phải chí thành và cung kính, y theo nghĩa trong văn mà phát tâm nguyện thì mới được lợi ích.”

4. Vài lời về chữ hạnh trong pháp Niệm Phật.

a. *Càng chuyên tâm niệm Phật thì càng tốt.*

Vì phải hết lòng tin, ưa, mong muốn

sanh về thế giới Cực Lạc mà niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà thì khi lâm chung mới được Phật tiếp dẫn vãng sanh (*nguyện thứ 18*) nên không thể chỉ dùng miệng xưng danh hiệu Phật, còn tâm cứ nghĩ tưởng lung tung.

Theo Tổ Ấn Quang thì: “Phương pháp niệm Phật hay nhất là nhiếp (*thâu phục*) trọn sáu căn (*mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý*), tịnh niệm tiếp nối. Niệm phải khởi từ tâm, tiếng phát ra nơi miệng (*vì tâm muốn gặp đức Phật A Di Đà nên miệng mới xưng danh hiệu của Phật để cầu Phật tiếp dẫn vãng sanh*), âm thanh lọt vào tai, từng chữ phân minh, từng câu chẳng loạn.

Nhiếp trọn sáu căn chính là: Tâm niệm Phật chuyên chú nơi danh hiệu Phật là nhiếp ý căn, miệng niệm rõ ràng rành rẽ là nhiếp thiệt căn, tai nghe rõ ràng rành rẽ là nhiếp nhĩ căn. Gom ba căn này vào danh hiệu Phật thì ba căn còn lại cũng bị nhiếp trọn: Mắt chẳng thể nhìn loạn, mũi chẳng thể rong ruổi theo bên ngoài, thân chẳng đến nỗi phóng túng.

Nhưng mới niệm Phật, ai lại chẳng có vọng tưởng, cốt sao khi vọng tưởng vừa khởi, tâm liền biết, tiếp tục chuyên chú nơi danh hiệu Phật, chẳng chuyển theo vọng.

Nếu vọng tưởng nổi lên quá nhiều thì nên áp dụng pháp Thập Niệm Ký Số: Vừa niệm Phật vừa thầm ghi nhớ từ câu Phật hiệu thứ nhất tới câu Phật hiệu thứ 10, rồi trở lại từ câu thứ nhất, cứ như thế xoay vần mãi.”

Đại sư Liên Trì, Tổ thứ 8 của Tịnh Độ tông Trung Hoa giảng: “Tâm hôn loạn đã lâu (*Hôn là mê muội. Loạn là không an*), không thể một lúc mà an định được (*Tâm định là tâm an trú trên đối tượng, không nghĩ tưởng lung tung*). Cho nên người mới niệm Phật, nếu tâm không an định, đừng quá lo. Chỉ cần mỗi chữ, mỗi câu đều do tâm phát ra. Khi tâm tán loạn liền mau thu phục tâm. (*Buộc tâm chuyên chú nơi danh hiệu Phật bằng cách: Lắng tai nghe tiếng mình niệm Phật từ miệng phát ra thật rành mạch, rõ ràng, từng chữ phân minh, từng câu*

chẳng loạn, thì vọng tưởng tự dừng, tâm tự chuyên chú nơi danh hiệu Phật. Đây là pháp “Phản Văn Trì Danh” giúp người tu dẹp vọng tưởng, chuyên tâm niệm Phật)

Niệm Phật như thế mãi, lâu ngày công phu thuần thục, vọng niệm giảm dần. Dụng công bền lâu, tự có hiệu quả.”

b. *Niệm Phật càng nhiều càng tốt.*

Bồ Tát Giác Minh Diệu Hạnh nói:
“Pháp môn Tịnh Độ không ngoài hai chữ chuyên cần. Chuyên thì chỉ tu một môn Niệm Phật, không thêm một việc chi khác. Cần thì không bỏ phí một phút, một giây.”

Tổ Thiên Dao giảng: “Xưng danh hiệu của đức Phật A Di Đà là hạnh dễ làm. Nếu có thể giữ được niệm niệm nối nhau, tu như thế suốt đời thì mười người tu, mười người vãng sanh, trăm người tu, trăm người về thế giới Cực Lạc. Người niệm Phật đi, đứng, ngồi, nằm, phải cố gắng thu phục tâm, ngày đêm chớ rời Thánh hiệu, quyết giữ đến hơi thở cuối cùng. Như thế, tới lúc mãn

phần, niệm trước vừa dứt, niệm sau liền sanh Cực Lạc.”

- c. **Chú ý**: Lúc bình thường niệm Phật to tiếng hay niệm thầm, tùy ý. Nhưng khi nằm, khi y phục không chỉnh tề hay khi ở những nơi bất tịnh thì phải niệm thầm, nếu niệm ra tiếng thì mắc lỗi không cung kính.

5. Vài lời về sự chí thành khẩn thiết

Lời khuyên của đại sư Vĩnh Minh, Tổ thứ 6 của Tịnh độ tông Trung Hoa: “Lễ bái, niệm Phật, phát nguyện phải khẩn thiết, chí thành như người đang ở lao tù, như người bị giặc rượt bắt, như người bị nước cuốn trôi, như người bị lửa đốt cháy đầu, một lòng cầu cứu.”

Theo Tổ Ấn Quang thì: “Thân người khó có, Phật pháp khó được nghe, pháp môn niệm Phật lại càng khó gặp. Đây là pháp mầu nhiệm của đức Như Lai, giúp chúng sanh:

- a. Tiêu trừ những tội đã tạo ra trong quá khứ.
- b. Chuyển hóa mọi nghịch cảnh; phước

báo thế gian không cầu mà tự được hưởng.

- c. Khi thọ mạng hết, được tiếp dẫn về thế giới Cực Lạc, thoát sanh tử luân hồi, không chịu những sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, lên ngôi Bất thoái...

Nay chúng ta đã có thân người, lại được biết pháp môn niệm Phật, nếu bỏ qua cơ hội rất hiếm có này, không chí thành, khẩn thiết niệm Phật cầu được vãng sanh; khi Vô Thường đến:

Rất dễ bị đọa vào các cõi ác, chịu khổ lâu dài, biết chừng nào mới được thoát ly! Dù có được trở lại làm người hay được sanh lên các cõi Trời, thì khi hưởng hết phước ở các cõi lành này, lúc chết tất cũng bị đọa vào các cõi ác!”

6. Tóm lại.

Muốn thoát khổ sanh tử luân hồi ngay trong đời này thì phải thực hành pháp môn Niệm Phật:

- a. ***Phải hết lòng tin, ưa, mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc.***
- b. ***Phải khẩn thiết niệm Phật cầu vãng***

sanh.

- **Trong thời khóa niệm Phật:** Niệm khởi từ tâm; tiếng phát ra nơi miệng; âm thanh lọt vào tai, từng chữ phân minh, từng câu chẳng loạn:

✚ Hoặc tâm muốn nương tựa đức Phật A Di Đà, cung kính, thành khẩn cầu Phật tiếp dẫn về thế giới Cực Lạc, nên miệng xưng: “*Nam mô A Di Đà Phật*”. (*Nam mô có nghĩa là: Kính lễ; quy y; quy mạng; xin cứu con, độ con*)

✚ Hoặc tâm nhớ đức Phật A Di Đà, tha thiết mong được vãng sanh để gặp Phật như con thơ lạc mẹ, muốn gặp mẹ, nên miệng xưng: “*A Di Đà Phật*”. (*Con thơ lạc mẹ không nói “Con kính lạy mẹ, con muốn nương tựa mẹ, xin mẹ cứu con...”, mà chỉ gọi “Mẹ! Mẹ! Mẹ!...”*)

Khi vọng tưởng khởi, cần phải biết liền; lắng tai nghe tiếng mình niệm Phật từ miệng phát ra từng chữ, từng câu thật rõ ràng, rành mạch thì vọng tưởng tự dừng.

Nếu có nhiều vọng tưởng, nên áp dụng pháp Thập Niệm Ký Số: Vừa niệm Phật vừa thầm ghi nhớ từ câu Phật hiệu thứ nhất tới câu Phật hiệu thứ mười, rồi trở lại từ câu thứ nhất..., cứ như thế xoay vần mãi.

Niệm Phật như vậy lâu ngày, vọng niệm giảm dần. Dụng công bền lâu tự có hiệu quả.

- *Ngoài thời khóa niệm Phật.* Đi, đứng, ngồi, nằm không lúc nào quên niệm Phật, trừ những lúc phải dụng tâm làm việc.

c. *Phải hồi hướng công đức.*

Nguyện đem công đức niệm Phật và công đức làm những việc lành khác (*nếu có*) cầu sanh về thế giới Cực Lạc khi mạng chung để tu hành đắc đạo, cứu độ chúng sanh. Cũng nên hồi hướng công đức của mình cho những người ơn, kẻ oán và tất cả chúng sanh trong sáu cõi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phật Thuyết A Di Đà Kinh, Yếu Giải của sa môn Trí Húc.
2. Kinh Vô Lượng Thọ.
3. Kinh Quán Vô Lượng Thọ.
4. Kinh Hoa Nghiêm.
5. Kinh Pháp Hoa.
6. Kinh Lăng Nghiêm.
7. Văn Sao của đại sư Ấn Quang.
8. Quê hương Cực Lạc của Hòa Thượng Thích Thiền Tâm.
9. Niệm Phật Thập Yếu của Hoà Thượng Thích Thiền Tâm.
10. Niệm Phật Tông Yếu của Pháp Nhiên Thượng Nhân.

HỒI HƯƠNG CÔNG ĐỨC

Nguyện đem công đức này,
Hương về khắp tất cả,
Đệ tử và chúng sanh,
Đều sanh về Cực Lạc.

